

BÁO CÁO**Đánh giá tác động của chính sách Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi)**

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Nội vụ báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự án Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi), sau đây gọi tắt là dự án Luật, cụ thể như sau:

I XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**1. Bối cảnh, vấn đề đặt ra****1.1. Quan điểm, chủ trương của Đảng:**

- Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 19/3/2024 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động trong tình hình mới yêu cầu hoàn thiện chính sách, pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; chú trọng phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; cải thiện điều kiện lao động; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Đây là căn cứ chính trị trực tiếp và quan trọng nhất đối với việc xây dựng Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi).

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới xác định yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi; đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Đây là định hướng chính trị quan trọng trong việc rà soát, hoàn thiện các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW; Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đặt ra yêu cầu rà soát, sửa đổi hệ thống pháp luật để bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước, mô hình chính quyền địa

phương 02 cấp và yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong giai đoạn mới.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định yêu cầu hoàn thiện thể chế, pháp luật để thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển dữ liệu số và quản trị số. Thực tiễn thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động cho thấy cần hoàn thiện cơ sở pháp lý về dữ liệu, cơ sở dữ liệu, báo cáo điện tử và quản lý trên môi trường số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới yêu cầu xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định, khả thi; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; cải cách thủ tục hành chính; giảm chi phí tuân thủ và nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân xác định yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; cắt giảm điều kiện kinh doanh, giảm chi phí tuân thủ pháp luật và đổi mới phương thức quản lý nhà nước theo hướng tăng cường hậu kiểm.

- Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội và Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội đặt ra yêu cầu hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội, nâng cao hiệu quả chính sách bảo hiểm xã hội và phát huy vai trò của chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro nghề nghiệp.

1.2. Căn cứ pháp lý và các Điều ước quốc tế

- Luật Tổ chức Chính phủ (Luật số 63/2025/QH15) đã xác định rõ hơn vai trò của Chính phủ; quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ với tư cách là người đứng đầu Chính phủ; đồng thời làm rõ thẩm quyền của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ trong quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực được phân công. Vì vậy, cần sửa đổi, bổ sung Luật An toàn, vệ sinh lao động để bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc về phân định thẩm quyền, phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ và thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 48/CVBCĐTKNQ18 ngày 03/5/2025 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ¹.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (Luật số 70/2025/QH15) có nhiều điểm mới trong công tác xây dựng quy

¹ Công văn số 48/CV-BCĐTKNQ18 ngày 03/5/2025 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

chuẩn kỹ thuật quốc gia. Do đó, cần rà soát các quy định về quy chuẩn kỹ thuật ATVSLĐ để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước. Trong đó, có một số nội dung liên quan đến quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động như tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, hoạt động thanh tra chuyên ngành về ATVSLĐ...

- Nghị quyết 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật. Nghị quyết tạo ra các cơ chế và chính sách đặc biệt nhằm thúc đẩy việc xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật một cách hiệu quả hơn.

- Bộ luật Lao động năm 2019, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024, Luật Thanh tra năm 2025 và nhiều luật chuyên ngành có liên quan như Luật Xây dựng, Luật Hóa chất, Luật Điện lực, Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đã được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới trong thời gian qua. Thực tiễn thi hành cho thấy một số quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 cần được rà soát, sửa đổi để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện trong giai đoạn mới.

- Việt Nam là thành viên của nhiều điều ước quốc tế và công ước của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) có liên quan đến an toàn, vệ sinh lao động, trong đó có Công ước số 155 về an toàn, vệ sinh lao động và môi trường lao động, Công ước số 187 về cơ chế thúc đẩy an toàn, vệ sinh lao động, Công ước số 81 về thanh tra lao động và các cam kết lao động trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Việc sửa đổi Luật An toàn, vệ sinh lao động nhằm tiếp tục nội luật hóa các cam kết quốc tế, nâng cao mức độ tương thích của hệ thống pháp luật Việt Nam với các tiêu chuẩn lao động quốc tế và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định việc xây dựng luật phải xuất phát từ yêu cầu hoàn thiện thể chế, bảo đảm tính hợp hiến, tính thống nhất của hệ thống pháp luật, khắc phục những hạn chế, bất cập phát sinh từ thực tiễn thi hành và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

1.3. Về căn cứ thực tiễn:

Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 25/6/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016.

Luật An toàn, vệ sinh lao động bao gồm 07 Chương và 93 Điều, trong đó Chương I gồm 12 Điều (*từ Điều 01 đến Điều 12*) quy định về Quy định chung; Chương II gồm 10 Điều (*từ Điều 13 đến Điều 33*) quy định về các biện pháp phòng, chống các yếu tố nguy hiểm yếu tố có hại cho người lao động; Chương III gồm 28 Điều (*từ Điều 34 đến Điều 62*) quy định về các biện pháp xử lý sự cố kỹ

thuật gây mất an toàn, vệ sinh lao động và tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; Chương IV gồm 07 Điều (*từ Điều 63 đến Điều 70*) quy định về bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với một số lao động đặc thù; Chương V gồm 11 Điều (*từ Điều 70 đến Điều 81*) quy định về bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh; Chương VI gồm 09 Điều (*từ Điều 82 đến Điều 91*) quy định về quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động; Chương VII gồm 02 Điều (*từ Điều 92 đến Điều 93*) quy định về Điều khoản thi hành.

Luật an toàn, vệ sinh lao động là Luật hướng dẫn cụ thể Điều 35 của Hiến pháp 2013 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) về quyền cơ bản của con người, của công dân, đã đưa ra các quy định nhằm đảm bảo quyền được làm việc trong môi trường đảm bảo an toàn, sức khỏe. Về phạm vi, đối tượng, Luật cũng đã mở rộng điều chỉnh đến tất cả người lao động, bao gồm cả khu vực có quan hệ lao động và không có quan hệ lao động, theo nguyên tắc ở đâu có người lao động thì ở đó có nguy cơ mất an toàn, vệ sinh lao động, cần phải xây dựng các biện pháp phòng tránh. Về nội dung, Luật đề cập tương đối đầy đủ các nội dung liên quan đến việc quản lý, tổ chức nơi làm việc đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động trong mối quan hệ xã hội liên quan mật thiết đến nơi làm việc, đảm bảo khoa học, phù hợp với thực tiễn như: Quyền, nghĩa vụ của người sử dụng lao động, người lao động tại nơi làm việc; các biện pháp phòng chống các yếu tố nguy hiểm, có hại (thông tin, tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện, xây dựng nội quy, quy trình, biện pháp đảm bảo an toàn, vệ sinh tại nơi làm việc); chế độ chăm sóc sức khỏe người lao động; quản lý máy thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt an toàn, vệ sinh lao động; xử lý sự cố, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; việc bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh; quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động; thống kê, báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu (hồ sơ quốc gia về an toàn, vệ sinh lao động), chương trình quốc gia an toàn, vệ sinh lao động.

Qua gần 10 năm thi hành, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và thực hiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Tuy nhiên, kết quả tổng kết thi hành Luật cho thấy một số quy định của Luật đã bộc lộ hạn chế, bất cập hoặc không còn phù hợp với yêu cầu thực tiễn, cụ thể như sau:

- Một số quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động chưa bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, đặc biệt là các luật được ban hành hoặc sửa đổi sau thời điểm Luật có hiệu lực như Bộ luật Lao động năm 2019, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật năm 2025 và các luật có liên quan.

- Quá trình đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, thực hiện mô hình chính

quyền địa phương hai cấp và yêu cầu đổi mới công tác an toàn, vệ sinh lao động đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện các quy định của Luật nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tính khả thi trong tổ chức thực hiện.

Bên cạnh những hạn chế, bất cập của Luật hiện hành, bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới cũng đặt ra nhiều yêu cầu và thách thức mới đối với công tác an toàn, vệ sinh lao động. Cụ thể như:

- Sự phát triển nhanh của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, vật liệu mới, thiết bị mới, phương thức sản xuất mới và các mô hình tổ chức lao động hiện đại đang làm thay đổi môi trường lao động và phát sinh nhiều nguy cơ, yếu tố rủi ro mới đối với người lao động. Đồng thời, yêu cầu ngày càng cao về cải thiện điều kiện lao động, bảo vệ sức khỏe người lao động và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động theo hướng phòng ngừa chủ động, thích ứng với những thay đổi của thị trường lao động và quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, việc tham gia các công ước của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và yêu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia đặt ra yêu cầu tiếp tục rà soát, hoàn thiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động theo hướng phù hợp với các chuẩn mực lao động quốc tế, thông lệ quốc tế và yêu cầu phát triển bền vững.

Từ những thay đổi của bối cảnh phát triển và những vấn đề phát sinh trong quá trình thi hành Luật nêu trên, việc xây dựng Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi) là cần thiết nhằm hoàn thiện thể chế, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Mục đích xây dựng chính sách

Việc xây dựng các chính sách sửa đổi, bổ sung Luật An toàn, vệ sinh lao động nhằm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng về hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân, bảo đảm an sinh xã hội và tăng cường công tác an toàn, vệ sinh lao động trong tình hình mới.

Việc sửa đổi Luật hướng tới hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về an toàn, vệ sinh lao động theo hướng hiện đại, đồng bộ, thống nhất, lấy phòng ngừa làm trọng tâm; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; bảo vệ tính mạng, sức khỏe người lao động; cải thiện điều kiện lao động; phát huy vai trò của các chủ thể trong công tác an toàn, vệ sinh lao động; đồng thời đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và sự thay đổi của thị trường lao động trong giai đoạn mới.

Trên cơ sở đó, các chính sách được xây dựng nhằm đạt được các mục tiêu trọng tâm sau:

(i) Hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước hiện hành, bảo đảm phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền giữa các cơ quan, tổ chức và chính quyền địa phương các cấp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với trách nhiệm giải trình và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện.

(ii) Nâng cao hiệu quả phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; tăng cường nhận diện, đánh giá và kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc; cải thiện điều kiện lao động và bảo vệ sức khỏe người lao động theo hướng chủ động, dựa trên quản lý rủi ro.

(iii) Hoàn thiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo hướng đồng bộ với hệ thống pháp luật về bảo hiểm xã hội; nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện và phát huy vai trò của chính sách bảo hiểm trong phòng ngừa, giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

(iv) Đổi mới cơ chế quản lý hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động theo hướng nâng cao chất lượng, minh bạch, chuyên nghiệp; giảm chi phí tuân thủ; tăng cường hậu kiểm và phát huy nguồn lực xã hội tham gia công tác an toàn, vệ sinh lao động.

(v) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động; xây dựng, kết nối và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu về an toàn, vệ sinh lao động phục vụ quản lý nhà nước, hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động.

(vi) Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động theo hướng phù hợp với các tiêu chuẩn lao động quốc tế, các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, phát triển thị trường lao động hiện đại và hội nhập quốc tế.

2. Quan điểm xây dựng chính sách

Thứ nhất, xây dựng chính sách trên cơ sở thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng về tăng cường công tác an toàn, vệ sinh lao động; hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước; phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; phát triển kinh tế tư nhân và bảo đảm an sinh xã hội.

Thứ hai, bảo đảm tính hợp hiến, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; kế thừa các quy định còn phù hợp, đang phát huy hiệu quả; sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp hoặc phát sinh vướng mắc trong thực tiễn; bảo đảm sự thống nhất với Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các luật có liên quan.

Thứ ba, lấy người lao động làm trung tâm, lấy phòng ngừa là trọng tâm; bảo đảm quyền được làm việc trong điều kiện an toàn, vệ sinh lao động; tăng cường bảo vệ tính mạng, sức khỏe người lao động; cải thiện điều kiện lao động; thúc đẩy xây dựng văn hóa an toàn lao động; nâng cao năng lực nhận diện, đánh giá và kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại; đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong công tác an toàn, vệ sinh lao động.

Thứ tư, hoàn thiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo hướng mở rộng hợp lý diện bao phủ, nâng cao mức độ bảo vệ người lao động trước các rủi ro nghề nghiệp; bảo đảm tính đồng bộ với chính sách bảo hiểm xã hội; nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp an toàn, bền vững và hiệu quả.

Thứ năm, hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động theo hướng phân công, phân cấp, phân quyền rõ ràng; xác định đầy đủ trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương; bảo đảm thống nhất, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả trong tổ chức thi hành pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước hiện hành.

Thứ sáu, phát huy vai trò, trách nhiệm của người sử dụng lao động, người lao động, các tổ chức đại diện, các tổ chức cung cấp dịch vụ và các chủ thể có liên quan; khuyến khích xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội tham gia công tác an toàn, vệ sinh lao động.

Thứ bảy, bảo đảm phù hợp với các tiêu chuẩn lao động quốc tế, các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế; đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và phát triển bền vững.

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1. Hoàn thiện cơ chế phân công, phân cấp, phân quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động

1.1. Bối cảnh xây dựng chính sách:

Việc xây dựng chính sách được đặt ra trong bối cảnh thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Bên cạnh đó, nhiều quy định pháp luật mới đã được ban hành hoặc sửa đổi liên quan đến tổ chức bộ máy nhà nước, tổ chức chính quyền địa phương, thanh tra, phân cấp, phân quyền và tổ chức thi hành pháp luật. Điều này đặt ra yêu cầu rà soát, hoàn thiện các quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động về trách nhiệm quản lý nhà nước, thẩm quyền quản lý, cơ chế phối hợp và tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Qua gần 10 năm thi hành, Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động. Tuy nhiên, một số quy định được xây dựng trong bối cảnh tổ chức bộ máy và mô hình quản lý của giai đoạn trước, đến nay cần được rà soát, sửa đổi để phù hợp với yêu cầu quản trị nhà nước trong giai đoạn mới.

1.2. Mục tiêu xây dựng chính sách:

1.2.1. Mục tiêu tổng quát

Hoàn thiện cơ chế phân công, phân cấp, phân quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động; bảo đảm thống nhất, thông suốt trong tổ chức thực hiện; phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước và chính quyền địa phương hiện hành; nâng cao hiệu lực, hiệu quả thi hành pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hoàn thiện các quy định về trách nhiệm và thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định pháp luật có liên quan.

- Hoàn thiện cơ chế phân công, phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

- Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

- Hoàn thiện các quy định về kiểm tra, giám sát và tổ chức thi hành pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với quy định của pháp luật về thanh tra và tổ chức bộ máy nhà nước.

1.3. Vấn đề cần giải quyết và nguyên nhân của vấn đề:

1.3.1. Vấn đề 1. Một số quy định về trách nhiệm và thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động không còn phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước hiện hành.

Nguyên nhân: Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 được xây dựng trong bối cảnh tổ chức bộ máy nhà nước và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước khác với hiện nay. Trong thời gian qua, việc thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy, thay đổi cơ quan đầu mối quản lý nhà nước về lao động và việc ban hành các luật mới về tổ chức bộ máy nhà nước đã làm phát sinh yêu cầu rà soát, điều chỉnh các quy định về trách nhiệm và thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

1.3.2. Vấn đề 2 : Một số quy định về phân công, phân cấp, phân quyền và trách nhiệm của chính quyền địa phương trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động chưa phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Nguyên nhân: Các quy định của Luật hiện hành được thiết kế trên cơ sở mô hình chính quyền địa phương trước đây, trong khi mô hình chính quyền địa phương hai cấp và các quy định mới về phân cấp, phân quyền đã làm thay đổi chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của các cơ quan ở địa phương.

1.3.3. Vấn đề 3. Cơ chế phối hợp, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động cần tiếp tục được hoàn thiện để bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Nguyên nhân: Một số quy định của Luật hiện hành chưa theo kịp những thay đổi của pháp luật về thanh tra, kiểm tra và tổ chức bộ máy nhà nước; việc phân định trách nhiệm giữa các cơ quan trong một số trường hợp chưa thực sự rõ ràng, ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

1.4. Nội dung của chính sách

- Hoàn thiện các quy định về trách nhiệm và thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước hiện hành.

- Hoàn thiện các quy định về phân công, phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

- Hoàn thiện các quy định về cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

- Hoàn thiện các quy định về kiểm tra, giám sát và tổ chức thi hành pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

1.5. Các giải pháp thực hiện chính sách

- Giải pháp 1. Giữ nguyên các quy định hiện hành

Tiếp tục thực hiện các quy định hiện hành của Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 về trách nhiệm quản lý nhà nước, phân công nhiệm vụ, cơ chế phối hợp và tổ chức thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

- Giải pháp 2. Sửa đổi, bổ sung một số quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước, phân cấp, phân quyền và tổ chức thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động

Rà soát, sửa đổi một số quy định không còn phù hợp liên quan đến trách nhiệm quản lý nhà nước, cơ chế phối hợp, phân cấp, phân quyền và tổ chức thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

- Giải pháp 3. Hoàn thiện đồng bộ cơ chế phân công, phân cấp, phân quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước hiện hành

+ Rà soát, sửa đổi các quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động theo hướng xác định rõ cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chính và cơ chế phối hợp của các cơ quan có liên quan.

+ Bỏ các quy định chi tiết về trách nhiệm của từng bộ trong Luật; giao Chính phủ quy định chi tiết theo thẩm quyền để bảo đảm phù hợp với Luật Tổ chức Chính phủ.

+ Sửa đổi các quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước ở địa phương phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

+ Sửa đổi các quy định về kiểm tra chuyên ngành an toàn, vệ sinh lao động bảo đảm thống nhất với Luật Thanh tra năm 2025.

+ Hoàn thiện các quy định về vai trò, trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong công tác an toàn, vệ sinh lao động.

+ Hoàn thiện các quy định về tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và theo dõi thi hành pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

1.6. Đánh giá tác động của các giải pháp:

1.6.1. Đánh giá Giải pháp 1 (Giữ nguyên các quy định hiện hành)

1.6.1.1. Tác động đối với hệ thống pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan

- Tác động tích cực: Không làm phát sinh yêu cầu sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hiện hành; bảo đảm tính ổn định trước mắt của các quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước, phân công nhiệm vụ, cơ chế phối hợp, thanh tra, kiểm tra và tổ chức thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

- Tác động tiêu cực: Không khắc phục được tình trạng một số quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động hiện hành không còn phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước, mô hình chính quyền địa phương hai cấp và các quy định pháp luật mới về tổ chức Chính phủ, tổ chức chính quyền địa phương, thanh tra, phân cấp, phân quyền. Do đó, giải pháp này chưa bảo đảm đầy đủ tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

1.6.1.2. Tác động về kinh tế

a) Đối với cơ quan nhà nước

- Tác động tích cực:

Không phát sinh chi phí xây dựng, sửa đổi văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hướng dẫn thi hành.

Không phát sinh chi phí đào tạo, tập huấn hoặc tổ chức triển khai các quy định mới.

Không phát sinh chi phí điều chỉnh cơ cấu tổ chức, phân công nhiệm vụ hoặc quy trình quản lý hiện hành.

- Tác động tiêu cực:

+ Tiếp tục phát sinh chi phí quản lý do tình trạng chồng chéo, giao thoa hoặc chưa rõ trách nhiệm giữa các cơ quan trong một số nội dung quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

+ Hiệu quả sử dụng nguồn lực quản lý nhà nước chưa được tối ưu do một số quy định không còn phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy hiện hành.

b) Đối với người sử dụng lao động, doanh nghiệp

- Tác động tích cực:

+ Không phát sinh chi phí tuân thủ mới.

+ Không phát sinh chi phí chuyển đổi quy trình, hồ sơ hoặc thực hiện các nghĩa vụ pháp lý mới.

- Tác động tiêu cực:

+ Một số bất cập về đầu mối quản lý, cơ chế phối hợp hoặc xử lý công việc giữa các cơ quan nhà nước tiếp tục tồn tại, có thể làm kéo dài thời gian giải quyết công việc liên quan đến an toàn, vệ sinh lao động.

+ Chi phí tuân thủ gián tiếp phát sinh do việc áp dụng pháp luật chưa thật sự thống nhất hoặc còn có cách hiểu khác nhau giữa các cơ quan thực hiện.

c) Đối với người lao động

- Tác động tích cực: Không làm thay đổi quyền, nghĩa vụ và các cơ chế bảo vệ hiện hành về an toàn, vệ sinh lao động.

Tác động tiêu cực:

+ Người lao động chưa được hưởng lợi từ việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và cải thiện cơ chế thực thi pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

+ Một số bất cập trong tổ chức thực hiện pháp luật có thể ảnh hưởng gián tiếp đến hiệu quả bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động.

d) Đối với xã hội

- Tác động tích cực:

+ Không phát sinh chi phí xã hội cho việc chuyển đổi cơ chế quản lý hoặc tổ chức thực hiện pháp luật.

- Tác động tiêu cực:

+ Các hạn chế trong cơ chế quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động tiếp tục tồn tại, làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn lực xã hội cho công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

+ Chưa tạo động lực để nâng cao chất lượng quản trị nhà nước và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

1.6.1.3. Tác động xã hội

a) Đối với người lao động

- Tác động tích cực:

+ Không làm thay đổi các quyền và lợi ích hiện hành của người lao động về an toàn, vệ sinh lao động.

+ Không phát sinh nghĩa vụ mới đối với người lao động.

- Tác động tiêu cực:

+ Người lao động chưa được hưởng lợi từ việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và hoàn thiện cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

+ Một số bất cập trong cơ chế phối hợp, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện tiếp tục tồn tại, có thể ảnh hưởng đến hiệu quả bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động trong thực tiễn.

b) Đối với người sử dụng lao động

- Tác động tích cực:

+ Không làm phát sinh yêu cầu mới trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

+ Không làm phát sinh thay đổi về trách nhiệm pháp lý hoặc cơ chế quản lý hiện hành.

- Tác động tiêu cực:

+ Chưa tạo điều kiện thuận lợi hơn trong việc tiếp cận, thực hiện hoặc phối hợp với cơ quan nhà nước về các vấn đề liên quan đến an toàn, vệ sinh lao động.

+ Một số khó khăn phát sinh từ việc phân định trách nhiệm hoặc phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước tiếp tục tồn tại.

c) Đối với cơ quan, tổ chức có liên quan

- Tác động tích cực: Không phát sinh thay đổi về chức năng, nhiệm vụ hoặc cơ chế phối hợp hiện hành.

- Tác động tiêu cực:

+ Một số hạn chế trong cơ chế phối hợp, tổ chức thực hiện và theo dõi thi hành pháp luật tiếp tục được duy trì.

+ Chưa tạo động lực để nâng cao chất lượng quản trị và hiệu quả thực thi pháp luật trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

d) Đối với xã hội

- Tác động tích cực: Bảo đảm tính ổn định của cơ chế quản lý nhà nước hiện hành trong ngắn hạn.

- Tác động tiêu cực:

+ Chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới quản trị nhà nước, sắp xếp tổ chức bộ máy và phân cấp, phân quyền trong giai đoạn mới.

+ Chưa tạo được sự chuyển biến rõ nét trong nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động, qua đó ảnh hưởng đến mục tiêu xây dựng môi trường lao động an toàn, bền vững.

1.6.1.4. Tác động đối với thủ tục hành chính

- Tác động tích cực: Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới; không làm thay đổi hồ sơ, trình tự, cách thức thực hiện các thủ tục hành chính hiện hành trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

- Tác động tiêu cực: Không tạo cơ sở để rà soát, đơn giản hóa hoặc điều chỉnh các thủ tục, quy trình thực hiện đang gắn với mô hình tổ chức bộ máy và cơ quan có thẩm quyền trước đây; chưa đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện trong bối cảnh mới.

1.6.1.5 Tác động đối với tổ chức bộ máy nhà nước, nguồn nhân lực

- Tác động tích cực: Không làm phát sinh yêu cầu thành lập tổ chức mới, không làm tăng biên chế, không làm thay đổi ngay nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức đang thực hiện quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

- Tác động tiêu cực: Tiếp tục duy trì các quy định chưa phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước hiện hành; chưa phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền giữa các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền địa phương trong bối cảnh thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Điều này có thể ảnh hưởng đến tính thống nhất, thông suốt và hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

1.6.1.7. Tác động về giới

- Tác động tích cực: Giải pháp không làm phát sinh sự phân biệt đối xử về giới; quyền và nghĩa vụ của lao động nam, lao động nữ trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động tiếp tục được thực hiện theo quy định hiện hành.

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực trực tiếp về giới. Tuy nhiên, việc không hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước có thể gián tiếp ảnh hưởng đến hiệu quả bảo vệ các nhóm lao động dễ bị tổn thương, trong đó có lao động nữ làm việc trong khu vực có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

1.6.1.8 Tính khả thi của giải pháp

- Tác động tích cực: Giải pháp có tính khả thi cao trong ngắn hạn vì không yêu cầu sửa đổi pháp luật, không phát sinh chi phí tổ chức thực hiện mới, không làm thay đổi cơ chế quản lý hiện hành.

- Tác động tiêu cực: Tính khả thi trong dài hạn thấp do không giải quyết được các bất cập phát sinh từ thực tiễn thi hành Luật và không đáp ứng yêu cầu hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước, mô hình chính quyền địa phương và hệ thống pháp luật hiện hành.

g) Kết luận về Giải pháp 1

Giải pháp giữ nguyên quy định hiện hành có ưu điểm là bảo đảm tính ổn định trước mắt, không làm phát sinh chi phí tuân thủ mới, không làm thay đổi tổ chức bộ máy và thủ tục hành chính hiện hành. Tuy nhiên, giải pháp này không khắc phục được các bất cập về trách nhiệm quản lý nhà nước, phân công, phân cấp, phân quyền, cơ chế phối hợp, kiểm tra và tổ chức thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; chưa bảo đảm yêu cầu thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật trong bối cảnh tổ chức bộ máy nhà nước và chính quyền địa phương đã có nhiều thay đổi. Vì vậy, không lựa chọn Giải pháp 1.

1.6.2. Đánh giá Giải pháp 2 (Sửa đổi, bổ sung một số quy định)

1.6.2.1. Tác động đối với hệ thống pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan

- Tác động tích cực:

+ Khắc phục được một phần các bất cập của Luật An toàn, vệ sinh lao động hiện hành liên quan đến trách nhiệm quản lý nhà nước, phân công nhiệm vụ và tổ chức thực hiện.

+ Góp phần bảo đảm tính thống nhất của Luật An toàn, vệ sinh lao động với một số quy định mới của pháp luật về tổ chức bộ máy nhà nước, tổ chức chính quyền địa phương và thanh tra.

+ Không làm thay đổi lớn cấu trúc quản lý nhà nước hiện hành nên thuận lợi trong quá trình chuyển tiếp thực hiện.

- Tác động tiêu cực:

+ Chỉ giải quyết được một phần các bất cập hiện nay.

+ Một số quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước, cơ chế phối hợp và phân cấp, phân quyền vẫn có thể tiếp tục chồng chéo hoặc chưa rõ ràng.

+ Chưa tạo được cơ sở pháp lý đầy đủ để thực hiện đồng bộ các chủ trương mới của Đảng về tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền và mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

1.6.2.2. Tác động kinh tế

a) Đối với cơ quan nhà nước

Tác động tích cực:

Giảm một phần chi phí quản lý do làm rõ hơn trách nhiệm và thẩm quyền của một số cơ quan quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan trong tổ chức thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

Không phát sinh chi phí lớn cho việc tổ chức lại bộ máy nhà nước.

Tác động tiêu cực:

Phát sinh chi phí rà soát, sửa đổi văn bản hướng dẫn thi hành và tổ chức tập huấn triển khai quy định mới.

Một số chi phí quản lý do chồng chéo hoặc chưa rõ trách nhiệm vẫn tiếp tục tồn tại do chưa sửa đổi toàn diện cơ chế quản lý nhà nước.

b) Đối với người sử dụng lao động, doanh nghiệp

Tác động tích cực:

Một số thủ tục, quy trình phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có thể được thực hiện thuận lợi hơn.

Giảm một phần chi phí thời gian và chi phí tuân thủ phát sinh do việc xác định cơ quan có thẩm quyền rõ ràng hơn.

Tác động tiêu cực:

Hiệu quả giảm chi phí tuân thủ chưa lớn do nhiều quy định nền tảng vẫn được giữ nguyên.

Trong thời gian đầu có thể phát sinh chi phí tìm hiểu, cập nhật các quy định mới.

c) Đối với người lao động

Tác động tích cực:

Được hưởng lợi gián tiếp từ việc nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

Tác động tiêu cực:

Mức độ tác động kinh tế trực tiếp không đáng kể.

Các lợi ích kinh tế phát sinh từ việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước chưa thật sự rõ nét.

d) Đối với xã hội

Tác động tích cực:

Góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực xã hội dành cho công tác quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

Giảm một phần chi phí xã hội do chồng chéo hoặc thiếu rõ ràng trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Tác động tiêu cực:

Chưa tạo ra chuyển biến đáng kể về hiệu quả quản trị nhà nước và môi trường đầu tư, kinh doanh do phạm vi sửa đổi còn hạn chế.

1.6.2.3. Tác động xã hội

a) Đối với người lao động

Tác động tích cực:

Góp phần nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động thông qua việc hoàn thiện một phần cơ chế quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

Tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong quá trình tổ chức thực hiện pháp luật.

Tác động tiêu cực:

Một số bất cập trong cơ chế phối hợp, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện vẫn chưa được xử lý triệt để.

Hiệu quả bảo vệ người lao động chưa được cải thiện toàn diện.

b) Đối với người sử dụng lao động

Tác động tích cực:

Thuận lợi hơn trong việc xác định cơ quan đầu mối hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết các vấn đề liên quan đến an toàn, vệ sinh lao động.

Góp phần nâng cao tính dự báo và tính ổn định trong thực hiện pháp luật.

Tác động tiêu cực:

Một số khó khăn phát sinh từ sự chưa đồng bộ giữa các quy định vẫn có thể tiếp tục tồn tại.

c) Đối với cơ quan, tổ chức có liên quan

Tác động tích cực:

Làm rõ hơn trách nhiệm của một số cơ quan, tổ chức trong quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

Nâng cao hiệu quả phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ.

Tác động tiêu cực:

Chưa giải quyết triệt để các vướng mắc phát sinh từ việc thay đổi mô hình tổ chức bộ máy nhà nước và chính quyền địa phương.

d) Đối với xã hội

- Tác động tích cực:

+ Góp phần nâng cao chất lượng thực thi pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

+ Tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc triển khai các chính sách bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

- Tác động tiêu cực:

+ Chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu đổi mới quản trị nhà nước, phân cấp, phân quyền và tổ chức bộ máy trong giai đoạn hiện nay.

+ Mức độ cải thiện niềm tin và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với hoạt động quản lý nhà nước còn hạn chế do phạm vi sửa đổi chưa toàn diện.

1.6.2.4. Tác động đối với thủ tục hành chính

- Tác động tích cực:

+ Có thể giảm bớt một số khâu trung gian hoặc đơn giản hóa một số quy trình thực hiện liên quan đến công tác quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

+ Góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu quả xử lý công việc của cơ quan nhà nước.

- Tác động tiêu cực:

+ Chưa tạo được cơ sở để rà soát, sắp xếp đồng bộ các thủ tục hành chính liên quan.

+ Mức độ cải cách thủ tục hành chính còn hạn chế do chỉ sửa đổi một phần các quy định hiện hành.

1.6.2.5. Tác động đối với tổ chức bộ máy nhà nước, nguồn nhân lực

- Tác động tích cực:

+ Làm rõ hơn trách nhiệm của một số cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

+ Hỗ trợ nâng cao hiệu quả phối hợp và thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan có liên quan.

+ Không làm phát sinh yêu cầu sắp xếp lớn về tổ chức bộ máy hoặc biên chế.

- Tác động tiêu cực:

+ Chưa xử lý triệt để các vấn đề phát sinh từ việc thay đổi mô hình tổ chức bộ máy nhà nước và chính quyền địa phương.

+ Một số quy định về trách nhiệm, thẩm quyền có thể vẫn chưa thực sự phù hợp với yêu cầu phân cấp, phân quyền hiện nay.

1.6.2.6. Tác động về giới

- **Tác động tích cực:** Góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động đối với mọi người lao động, trong đó có lao động nữ và các nhóm lao động dễ bị tổn thương.

Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực trực tiếp về giới.

1.6.2.7 Tính khả thi của giải pháp

- **Tác động tích cực:**

+ Có tính khả thi tương đối cao do chỉ sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật hiện hành.

+ Không làm phát sinh yêu cầu chuyển đổi lớn về tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực và nguồn lực thực hiện.

- **Tác động tiêu cực:**

+ Khả năng giải quyết triệt để các vấn đề chính sách còn hạn chế.

+ Có nguy cơ phải tiếp tục sửa đổi trong thời gian tới nếu các bất cập về phân cấp, phân quyền và tổ chức thực hiện không được xử lý đầy đủ.

1.6.2.8. Kết luận về Giải pháp 2

Giải pháp 2 có ưu điểm là bảo đảm tính khả thi, giảm xáo trộn trong quá trình thực hiện và khắc phục được một phần các bất cập của Luật hiện hành. Tuy nhiên, giải pháp này chưa giải quyết toàn diện các vấn đề về trách nhiệm quản lý nhà nước, phân công, phân cấp, phân quyền, cơ chế phối hợp và tổ chức thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động trong bối cảnh tổ chức bộ máy nhà nước đã có nhiều thay đổi. Vì vậy, giải pháp này chỉ đáp ứng một phần mục tiêu chính sách và chưa phải là phương án tối ưu.

1.6.3. Giải pháp 3. Hoàn thiện đồng bộ cơ chế phân công, phân cấp, phân quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước hiện hành

1.6.3.1. Tác động đối với hệ thống pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan

a) **Tác động tích cực:**

+ Khắc phục toàn diện các bất cập của Luật An toàn, vệ sinh lao động hiện hành về trách nhiệm quản lý nhà nước, phân công nhiệm vụ, phân cấp, phân quyền, cơ chế phối hợp và tổ chức thực hiện pháp luật.

+ Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của Luật An toàn, vệ sinh lao động với Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, Luật Thanh tra năm 2025 và các quy định pháp luật có liên quan.

+ Thề chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng về sắp xếp tổ chức bộ máy, phân cấp, phân quyền, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

+ Tạo cơ sở pháp lý ổn định, lâu dài cho công tác quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

b) Tác động tiêu cực:

+ Cần rà soát, sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy định chi tiết để bảo đảm thống nhất với các quy định mới của Luật.

+ Trong giai đoạn đầu triển khai có thể phát sinh nhu cầu hướng dẫn, tập huấn để bảo đảm áp dụng thống nhất.

1.6.3.2. Tác động kinh tế

a) Đối với cơ quan nhà nước

- Tác động tích cực:

+ Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực nhà nước thông qua việc phân định rõ trách nhiệm, thẩm quyền và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

+ Giảm chi phí quản lý phát sinh do chồng chéo nhiệm vụ, trùng lặp trong tổ chức thực hiện hoặc chưa rõ đầu mối quản lý.

+ Tạo điều kiện nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thi hành pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

- Tác động tiêu cực: Phát sinh một số chi phí ban đầu cho việc rà soát, sửa đổi văn bản hướng dẫn thi hành, xây dựng quy chế phối hợp và tổ chức tập huấn triển khai các quy định mới.

b) Đối với người sử dụng lao động, doanh nghiệp

- Tác động tích cực:

+ Giảm chi phí tuân thủ pháp luật do cơ chế quản lý nhà nước rõ ràng hơn, đầu mối thực hiện được xác định cụ thể hơn.

+ Giảm thời gian và chi phí giao dịch trong quá trình thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

+ Nâng cao tính minh bạch, tính dự báo và sự ổn định của môi trường pháp lý trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

- Tác động tiêu cực: Trong thời gian đầu triển khai có thể phát sinh chi phí tìm hiểu, cập nhật và thích ứng với các quy định mới.

c) Đối với người lao động

- Tác động tích cực:

+ Được hưởng lợi gián tiếp từ việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng tổ chức thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

+ Góp phần nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

- Tác động tiêu cực: Không phát sinh tác động kinh tế tiêu cực đáng kể đối với người lao động.

d) Đối với xã hội

- Tác động tích cực:

+ Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực xã hội dành cho công tác an toàn, vệ sinh lao động.

+ Giảm các chi phí xã hội phát sinh từ sự chồng chéo, thiếu thống nhất hoặc kém hiệu quả trong tổ chức thực hiện pháp luật.

+ Góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực đáng kể về kinh tế đối với xã hội.

1.6.3.3. Tác động xã hội

a) Đối với người lao động

- Tác động tích cực:

+ Nâng cao hiệu quả bảo đảm quyền được làm việc trong điều kiện an toàn, vệ sinh lao động.

+ Tăng cường khả năng tiếp cận các cơ chế bảo vệ, hỗ trợ và xử lý các vấn đề liên quan đến an toàn, vệ sinh lao động.

+ Góp phần nâng cao niềm tin của người lao động đối với hiệu quả thực thi pháp luật.

- Tác động tiêu cực: Không có tác động xã hội tiêu cực đáng kể đối với người lao động.

b) Đối với người sử dụng lao động

- Tác động tích cực:

+ Thuận lợi hơn trong việc thực hiện và tuân thủ pháp luật do trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan nhà nước được quy định rõ ràng hơn.

+ Giảm rủi ro pháp lý phát sinh từ việc áp dụng hoặc giải thích pháp luật không thống nhất.

- **Tác động tiêu cực:** Trong giai đoạn đầu có thể cần thời gian thích ứng với việc điều chỉnh cơ chế quản lý và tổ chức thực hiện.

c) Đối với cơ quan, tổ chức có liên quan

- **Tác động tích cực:**

+ Tăng cường trách nhiệm, tính chủ động và hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong công tác an toàn, vệ sinh lao động.

+ Góp phần nâng cao chất lượng thực thi pháp luật và chất lượng quản trị công.

- **Tác động tiêu cực:** Một số cơ quan có thể phải điều chỉnh phương thức tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn đầu áp dụng.

d) Đối với xã hội

- **Tác động tích cực:**

+ Góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng quản trị quốc gia trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

+ Tăng cường tính minh bạch, tính thống nhất và tính trách nhiệm trong tổ chức thực hiện pháp luật.

+ Góp phần xây dựng môi trường lao động an toàn, ổn định và phát triển bền vững.

Tác động tiêu cực: Không có tác động xã hội tiêu cực đáng kể; các khó khăn phát sinh chủ yếu mang tính chuyển tiếp trong quá trình triển khai thực hiện.

1.6.4. Tác động đối với thủ tục hành chính

- **Tác động tích cực:**

+ Tạo cơ sở để đơn giản hóa việc thực hiện các thủ tục hành chính gắn với phân định rõ trách nhiệm và thẩm quyền của cơ quan nhà nước.

+ Hạn chế tình trạng chồng chéo, trùng lặp trong tiếp nhận, xử lý công việc.

+ Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

- **Tác động tiêu cực:**

Trong thời gian đầu có thể cần điều chỉnh biểu mẫu, quy trình nội bộ hoặc hướng dẫn thực hiện để phù hợp với các quy định mới.

1.6.3.5. Tác động đối với tổ chức bộ máy nhà nước, nguồn nhân lực

- **Tác động tích cực:**

+ Xác định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của Chính phủ, Bộ Nội vụ, các bộ quản lý ngành, UBND cấp tỉnh và cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

+ Bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước và mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

+ Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan trong quá trình tổ chức thực hiện.

+ Không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới, không làm tăng biên chế.

- **Tác động tiêu cực:** Một số cơ quan có thể phải điều chỉnh phương thức thực hiện nhiệm vụ hoặc phân công lại công việc trong thời gian đầu triển khai.

1.6.3.6. Tác động về giới

- **Tác động tích cực:**

+ Góp phần nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động đối với mọi người lao động, bao gồm lao động nữ và các nhóm lao động dễ bị tổn thương.

+ Tăng cường khả năng tiếp cận các cơ chế bảo vệ về an toàn, vệ sinh lao động thông qua việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

- **Tác động tiêu cực:** Không có tác động tiêu cực trực tiếp về giới.

1.6.3.7. Tính khả thi của giải pháp

- **Tác động tích cực:**

+ Có tính khả thi cao vì phù hợp với chủ trương của Đảng, các quy định pháp luật mới về tổ chức bộ máy nhà nước và yêu cầu quản lý trong giai đoạn hiện nay.

+ Kế thừa cơ bản hệ thống quản lý hiện hành, không phát sinh tổ chức bộ máy mới hoặc tăng biên chế.

+ Nội dung sửa đổi tập trung vào phân định lại trách nhiệm, thẩm quyền và cơ chế phối hợp nên thuận lợi trong tổ chức thực hiện.

- **Tác động tiêu cực:** Đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong quá trình xây dựng văn bản hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện.

1.6.3.8. Kết luận về Giải pháp 3

Giải pháp 3 giải quyết đồng bộ các vấn đề về trách nhiệm quản lý nhà nước, phân công, phân cấp, phân quyền, cơ chế phối hợp, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động; bảo đảm phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy nhà nước và chính quyền địa phương hiện hành; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới, không làm tăng biên chế và không làm phát sinh thủ tục hành chính mới. Vì vậy, đây là giải pháp tối ưu và được lựa chọn.

2. Chính sách 2. Hoàn thiện cơ chế phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2.1. Bối cảnh xây dựng chính sách

2.1.1. Bối cảnh xây dựng chính sách

a) Bối cảnh trong nước

Công tác an toàn, vệ sinh lao động thời gian qua đã đạt được nhiều kết quả tích cực; nhận thức của người sử dụng lao động và người lao động từng bước được nâng cao; hệ thống pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động ngày càng được hoàn thiện.

Tuy nhiên, tình hình tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp vẫn diễn biến phức tạp, đặc biệt trong các ngành, lĩnh vực có nguy cơ cao như xây dựng, khai khoáng, cơ khí, hóa chất, điện lực và khu vực lao động phi chính thức. Công tác an toàn, vệ sinh lao động ở nhiều nơi vẫn chủ yếu dựa trên việc kiểm tra sự tuân thủ quy định pháp luật, trong khi việc nhận diện nguy cơ, đánh giá rủi ro, kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và phòng ngừa chủ động chưa được thực hiện đầy đủ, hiệu quả.

Bên cạnh đó, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, quá trình chuyển đổi số quốc gia và sự phát triển nhanh của công nghệ số đang tạo ra những yêu cầu mới đối với công tác quản lý, theo dõi, cảnh báo và phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Thực tiễn thi hành Luật An toàn, vệ sinh lao động cho thấy cần tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; dữ liệu, cơ sở dữ liệu, báo cáo điện tử và quản lý trên môi trường số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

b) Bối cảnh quốc tế

Trên thế giới, nhiều quốc gia đang chuyển mạnh từ phương thức quản lý chủ yếu dựa trên kiểm soát tuân thủ sang phương thức quản lý chú trọng phòng ngừa, nhận diện nguy cơ, đánh giá rủi ro và xây dựng văn hóa an toàn lao động. Các tiêu chuẩn quốc tế và hướng dẫn của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) đều nhấn mạnh việc phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp ngay từ quá trình tổ chức lao động, nhận diện nguy cơ và áp dụng các biện pháp kiểm soát phù hợp tại nơi làm việc.

Cùng với đó, xu hướng ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số, trí tuệ nhân tạo và các hệ thống quản lý an toàn tiên tiến trong công tác an toàn, vệ sinh lao động ngày càng phổ biến nhằm nâng cao hiệu quả giám sát, cảnh báo sớm, phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và giảm thiểu thiệt hại do các nguy cơ nghề nghiệp gây ra.

Việc hoàn thiện cơ chế phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp gắn với xây dựng văn hóa an toàn lao động, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và dữ liệu số là xu hướng chung của nhiều quốc gia, đồng thời phù hợp với các khuyến nghị của Tổ chức Lao động quốc tế về nâng cao hiệu quả công tác an toàn, vệ sinh lao động trong giai đoạn hiện nay.

2.2. Mục tiêu xây dựng chính sách

2.2.1. Mục tiêu tổng quát

Hoàn thiện cơ chế phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; nâng cao hiệu quả nhận diện nguy cơ, đánh giá rủi ro và kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động nhằm giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và cải thiện điều kiện lao động.

2.2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo hướng tăng cường phòng ngừa chủ động; nâng cao hiệu quả nhận diện, đánh giá và kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc.

- Thúc đẩy xây dựng và phát triển văn hóa an toàn lao động; nâng cao trách nhiệm và sự tham gia của người sử dụng lao động, người lao động trong công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý về dữ liệu, cơ sở dữ liệu và ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong công tác quản lý, giám sát, cảnh báo và phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2.3. Vấn đề cần giải quyết và nguyên nhân của vấn đề

2.3.1. Vấn đề 1. Cơ chế phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hiện nay vẫn chủ yếu dựa trên kiểm soát tuân thủ, chưa thực sự dựa trên quản trị rủi ro.

Nguyên nhân:

- Một số nguyên tắc và quy định của Luật hiện hành chưa thể hiện đầy đủ yêu cầu lấy phòng ngừa làm trọng tâm trong công tác an toàn, vệ sinh lao động.
- Các quy định về nhận diện nguy cơ, đánh giá rủi ro và kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc cần tiếp tục được hoàn thiện để phù hợp với yêu cầu quản lý hiện đại và thực tiễn sản xuất, kinh doanh.
- Một số quy định hiện hành chủ yếu tập trung vào việc thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động tại nơi làm việc, trong khi chưa tạo được cơ chế pháp lý đủ mạnh để thúc đẩy việc nhận diện, đánh giá và kiểm soát nguy cơ một cách chủ động, thường xuyên và liên tục.

2.3.2. Vấn đề 2. Khái niệm, nội hàm và cơ chế thúc đẩy xây dựng văn hóa an toàn lao động chưa được quy định đầy đủ, thống nhất trong Luật.

Nguyên nhân:

- Luật hiện hành đã đề cập đến việc xây dựng văn hóa an toàn lao động tại Điều 20 nhưng chưa có quy định về khái niệm, nội hàm và các yếu tố cấu thành văn hóa an toàn lao động.
- Các quy định hiện hành chủ yếu tập trung vào trách nhiệm tổ chức thực hiện của người sử dụng lao động mà chưa tạo cơ sở pháp lý đầy đủ để thúc đẩy việc xây dựng, duy trì và phát triển văn hóa an toàn lao động như một yếu tố nền tảng của công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Chưa bảo đảm sự thống nhất với cách tiếp cận của Công ước số 187 của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) về văn hóa phòng ngừa an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

2.3.3. Vấn đề 3. Cơ sở pháp lý về dữ liệu và chuyển đổi số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động còn chưa đầy đủ.

Nguyên nhân:

- Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 được xây dựng trong bối cảnh chuyển đổi số chưa trở thành yêu cầu trọng tâm trong quản lý nhà nước và hoạt động sản xuất, kinh doanh.
- Luật hiện hành chưa có quy định về dữ liệu số và cơ sở dữ liệu về an toàn, vệ sinh lao động; chưa quy định đầy đủ về việc thu thập, cập nhật, quản lý, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, thống kê, dự báo và phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Chưa tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc ứng dụng khoa học, công nghệ, công nghệ số và các phương thức quản lý hiện đại trong công tác giám sát, cảnh báo, phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và tổ chức thực hiện pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

2.4. Nội dung của chính sách

- Hoàn thiện các quy định về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo hướng lấy phòng ngừa làm trọng tâm; tăng cường nhận diện nguy cơ, đánh giá rủi ro và kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc; nâng cao hiệu quả phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và cải thiện điều kiện lao động.

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý về xây dựng, duy trì và phát triển văn hóa an toàn lao động; nâng cao trách nhiệm và sự tham gia của người sử dụng lao động, người lao động trong công tác an toàn, vệ sinh lao động; thúc đẩy hình thành văn hóa phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại nơi làm việc.

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý về dữ liệu, cơ sở dữ liệu và ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động; phục vụ công

tác quản lý, giám sát, cảnh báo, thống kê, dự báo và phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2.5. Các giải pháp thực hiện chính sách

2.5.1. Giải pháp 1. Giữ nguyên các quy định hiện hành

Tiếp tục thực hiện các quy định hiện hành của Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; xây dựng văn hóa an toàn lao động; quản lý thông tin, thống kê, báo cáo và ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

2.5.2. Giải pháp 2. Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động

- Bổ sung, hoàn thiện một số quy định về nhận diện nguy cơ, đánh giá rủi ro và kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc.
- Bổ sung một số quy định về xây dựng và phát triển văn hóa an toàn lao động.
- Bổ sung một số quy định về dữ liệu, cơ sở dữ liệu, báo cáo điện tử và ứng dụng công nghệ số trong công tác an toàn, vệ sinh lao động.
- Tăng cường một số biện pháp quản lý phục vụ công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2.5.3. Giải pháp 3. Hoàn thiện đồng bộ cơ chế phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Hoàn thiện các nguyên tắc, khái niệm và quy định về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo hướng lấy phòng ngừa làm trọng tâm; tăng cường nhận diện nguy cơ, đánh giá rủi ro và kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc.
- Bổ sung và hoàn thiện cơ sở pháp lý về văn hóa an toàn lao động; tạo cơ chế thúc đẩy xây dựng, duy trì và phát triển văn hóa an toàn lao động tại nơi làm việc.
- Hoàn thiện cơ sở pháp lý về dữ liệu, cơ sở dữ liệu, báo cáo điện tử, kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.
- Bổ sung các quy định về ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong công tác quản lý, giám sát, cảnh báo và phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu số về an toàn, vệ sinh lao động phục vụ cơ quan quản lý nhà nước, người sử dụng lao động và người lao động.

2.6 Đánh giá tác động của các giải pháp:

2.6.1. Đánh giá Giải pháp 1 (Giữ nguyên các quy định hiện hành)

2.6.1.1. Tác động đối với hệ thống pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan

- Tác động tích cực

+ Không phát sinh yêu cầu sửa đổi, bổ sung Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

+ Bảo đảm tính ổn định của hệ thống pháp luật hiện hành về an toàn, vệ sinh lao động trong ngắn hạn.

+ Không phát sinh yêu cầu điều chỉnh các quy định pháp luật có liên quan trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

- Tác động tiêu cực

+ Không khắc phục được những hạn chế của Luật hiện hành về nhận diện nguy cơ, đánh giá rủi ro, kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và phòng ngừa chủ động tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

+ Chưa tạo cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu và quản lý dữ liệu trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

+ Chưa bảo đảm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới phương thức quản lý và phòng ngừa rủi ro trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

+ Chưa phù hợp với xu hướng quốc tế về xây dựng văn hóa phòng ngừa và ứng dụng công nghệ số trong công tác an toàn, vệ sinh lao động.

2.6.1.2. Tác động kinh tế

a) Đối với cơ quan nhà nước

- Tác động tích cực

+ Không phát sinh chi phí sửa đổi pháp luật, xây dựng văn bản hướng dẫn hoặc tổ chức triển khai chính sách mới.

+ Không phát sinh chi phí đầu tư cho hệ thống cơ sở dữ liệu và hạ tầng số chuyên ngành an toàn, vệ sinh lao động.

- Tác động tiêu cực

+ Hiệu quả quản lý nhà nước chưa được cải thiện do chưa có cơ sở pháp lý để ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số và dữ liệu số trong công tác quản lý.

+ Tiếp tục phát sinh chi phí quản lý do việc thu thập, tổng hợp, xử lý thông tin còn phân tán và thực hiện chủ yếu theo phương thức truyền thống.

b) Đối với người sử dụng lao động

- Tác động tích cực

- + Không phát sinh nghĩa vụ mới hoặc chi phí tuân thủ mới.

- + Không phải đầu tư bổ sung để đáp ứng các yêu cầu mới về đánh giá rủi ro hoặc quản lý dữ liệu.

- Tác động tiêu cực

- + Tiếp tục phát sinh chi phí do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và sự cố mất an toàn lao động gây ra.

- + Chưa tạo động lực để doanh nghiệp đầu tư vào các hệ thống quản lý an toàn tiên tiến và các giải pháp phòng ngừa rủi ro hiệu quả hơn.

c) Đối với người lao động

- Tác động tích cực : Không phát sinh chi phí hoặc nghĩa vụ mới đối với người lao động.

- Tác động tiêu cực

- + Người lao động tiếp tục đối mặt với nguy cơ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp do các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại tại nơi làm việc chưa được nhận diện, kiểm soát và phòng ngừa hiệu quả.

- + Chưa được hưởng lợi từ các giải pháp cảnh báo sớm, quản lý dữ liệu và ứng dụng công nghệ trong công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

d) Đối với xã hội

- Tác động tích cực : Không phát sinh chi phí xã hội cho việc chuyển đổi cơ chế quản lý hoặc đầu tư hệ thống mới.

- Tác động tiêu cực

- + Tiếp tục phát sinh tổn thất kinh tế do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động.

- + Chưa phát huy đầy đủ các lợi ích kinh tế từ việc ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và các phương thức quản lý hiện đại trong công tác an toàn, vệ sinh lao động.

2.6.1.3. Tác động xã hội

a) Đối với người lao động

- Tác động tích cực

- + Không làm thay đổi các quyền và lợi ích hiện hành của người lao động về an toàn, vệ sinh lao động.

- Tác động tiêu cực

+ Chưa nâng cao được mức độ bảo vệ người lao động trước các nguy cơ tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

+ Chưa tạo chuyển biến mạnh về văn hóa an toàn lao động và ý thức phòng ngừa rủi ro tại nơi làm việc.

b) Đối với người sử dụng lao động

- Tác động tích cực

+ Không phải thay đổi phương thức tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Tác động tiêu cực

+ Chưa tạo động lực thúc đẩy doanh nghiệp chuyển từ tư duy tuân thủ sang tư duy phòng ngừa và quản trị rủi ro.

+ Chưa khuyến khích áp dụng các hệ thống quản lý an toàn tiên tiến và các giải pháp công nghệ phục vụ phòng ngừa tai nạn lao động.

c) Đối với xã hội

- Tác động tích cực

+ Duy trì sự ổn định của cơ chế quản lý hiện hành trong ngắn hạn.

- Tác động tiêu cực

+ Chưa đáp ứng yêu cầu xây dựng văn hóa phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo các chủ trương của Đảng và xu hướng quốc tế.

+ Chưa tạo chuyển biến rõ rệt trong công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và cải thiện điều kiện lao động.

+ Chưa đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và hiện đại hóa công tác quản lý an toàn, vệ sinh lao động trong bối cảnh phát triển khoa học, công nghệ hiện nay.

2.6.1.4. Tác động đối với thủ tục hành chính

- Tác động tích cực

+ Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

+ Không làm thay đổi hồ sơ, trình tự, cách thức thực hiện các thủ tục hành chính hiện hành.

+ Không phát sinh chi phí chuyển đổi đối với cơ quan nhà nước, người sử dụng lao động và người lao động trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

- Tác động tiêu cực

+ Không tạo cơ sở pháp lý để đổi mới phương thức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

+ Chưa tạo điều kiện để đơn giản hóa chế độ báo cáo, cung cấp thông tin, khai thác và sử dụng dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước.

+ Tiếp tục duy trì phương thức báo cáo, thống kê, tổng hợp thông tin chủ yếu theo cơ chế hiện hành, làm hạn chế hiệu quả ứng dụng công nghệ số.

+ Chưa đáp ứng yêu cầu cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số và xây dựng Chính phủ số.

2.6.1.5. Tác động đối với tổ chức bộ máy nhà nước, nguồn nhân lực

- Tác động tích cực

+ Không làm phát sinh tổ chức mới, không làm tăng biên chế và không làm thay đổi chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan hiện hành.

+ Không phát sinh yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng hoặc bố trí lại nguồn nhân lực để triển khai chính sách mới.

- Tác động tiêu cực

+ Chưa tạo cơ sở để đổi mới phương thức quản lý nhà nước trên cơ sở dữ liệu số và ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

+ Chưa nâng cao năng lực của đội ngũ thực hiện công tác quản lý, giám sát và phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

+ Chưa đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

2.6.1.6. Tác động về giới

- Tác động tích cực

+ Không tạo ra sự phân biệt đối xử về giới trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

+ Quyền và nghĩa vụ của lao động nam, lao động nữ tiếp tục được thực hiện theo quy định hiện hành.

- Tác động tiêu cực

+ Chưa tạo cơ sở để nâng cao hiệu quả bảo vệ đối với các nhóm lao động có nguy cơ cao hoặc dễ bị tổn thương, trong đó có lao động nữ làm việc trong môi trường có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại.

+ Chưa phát huy được vai trò của dữ liệu và công nghệ trong việc theo dõi, đánh giá các nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe nghề nghiệp của lao động nữ.

2.6.1.7. Tính khả thi của giải pháp

- Tác động tích cực

+ Có tính khả thi cao do không yêu cầu sửa đổi, bổ sung pháp luật.

+ Không phát sinh chi phí tổ chức thực hiện mới.

+ Không yêu cầu đầu tư nguồn lực bổ sung hoặc thay đổi phương thức quản lý hiện hành.

- Tác động tiêu cực

+ Không giải quyết được các vấn đề chính sách đã được xác định.

+ Không đáp ứng yêu cầu hoàn thiện cơ chế phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong bối cảnh mới.

+ Không đáp ứng yêu cầu thể chế hóa các chủ trương về tăng cường phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, chuyển đổi số và ứng dụng khoa học, công nghệ trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

2.6.1.8. Kết luận về Giải pháp 1

Giải pháp giữ nguyên các quy định hiện hành có ưu điểm là bảo đảm tính ổn định của hệ thống pháp luật, không làm phát sinh chi phí thực hiện mới, không làm thay đổi tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực và thủ tục hành chính hiện hành.

Tuy nhiên, giải pháp này không giải quyết được các hạn chế đã được xác định về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; văn hóa an toàn lao động; ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số; dữ liệu và cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động; chưa đáp ứng yêu cầu thể chế hóa các chủ trương của Đảng và yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Do đó, Giải pháp 1 không đáp ứng được mục tiêu của chính sách và không được lựa chọn.

2.6.2. Đánh giá Giải pháp 2 (Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động)

2.6.2.1. Tác động đối với hệ thống pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan

- Tác động tích cực

- Khắc phục được một phần những hạn chế của Luật An toàn, vệ sinh lao động hiện hành liên quan đến công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Bổ sung cơ sở pháp lý cho một số hoạt động nhận diện nguy cơ, đánh giá rủi ro, quản lý dữ liệu và ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.
- Góp phần thể chế hóa một phần các chủ trương của Đảng về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Từng bước tiếp cận với xu hướng quốc tế về xây dựng văn hóa an toàn lao động, tăng cường phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và ứng dụng khoa học, công nghệ trong công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Tác động tiêu cực

- Chưa tạo được khuôn khổ pháp lý đầy đủ, đồng bộ về nhận diện nguy cơ, đánh giá rủi ro, kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Một số quy định về dữ liệu, cơ sở dữ liệu và chuyển đổi số có thể vẫn còn phân tán, thiếu tính kết nối và chưa đáp ứng yêu cầu quản lý trong dài hạn.
- Chưa thể chế hóa đầy đủ các yêu cầu mới về quản lý dựa trên dữ liệu, chuyển đổi số và tăng cường phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo các chủ trương của Đảng và xu hướng quốc tế.

2.6.2.2. Tác động kinh tế

a) Đối với cơ quan nhà nước

- Tác động tích cực

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong một số lĩnh vực của công tác an toàn, vệ sinh lao động.
- Giảm một phần chi phí quản lý do từng bước ứng dụng công nghệ thông tin và dữ liệu điện tử trong công tác quản lý.
- Tăng khả năng theo dõi, tổng hợp và khai thác thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước.

- Tác động tiêu cực

- Phát sinh chi phí rà soát, sửa đổi văn bản hướng dẫn và tổ chức triển khai các quy định mới.
- Hiệu quả khai thác dữ liệu và ứng dụng công nghệ còn hạn chế do phạm vi sửa đổi chưa toàn diện.

b) Đối với người sử dụng lao động

- Tác động tích cực

- Góp phần giảm chi phí phát sinh từ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thông qua việc tăng cường một số biện pháp phòng ngừa.
- Tạo điều kiện để doanh nghiệp từng bước áp dụng các phương pháp quản lý an toàn tiên tiến.
- Hỗ trợ nâng cao hiệu quả quản lý nội bộ về an toàn, vệ sinh lao động.

- Tác động tiêu cực

- Có thể phát sinh một số chi phí ban đầu để điều chỉnh quy trình quản lý, cập nhật thông tin hoặc áp dụng các yêu cầu mới.
- Hiệu quả kinh tế mang lại chưa lớn do phạm vi cải cách còn hạn chế.

c) Đối với người lao động

- Tác động tích cực

- Được hưởng lợi từ việc nâng cao hiệu quả một số hoạt động phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.
- Giảm một phần nguy cơ phát sinh tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Tác động tiêu cực

- Mức độ cải thiện điều kiện làm việc và mức độ bảo vệ người lao động chưa thật sự rõ nét do các giải pháp mới chưa được áp dụng đồng bộ.

d) Đối với xã hội

- Tác động tích cực

- Góp phần giảm một phần tổn thất kinh tế do tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp gây ra.
- Từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực xã hội cho công tác an toàn, vệ sinh lao động.

- Tác động tiêu cực

- Chưa khai thác đầy đủ tiềm năng của chuyển đổi số trong giảm thiểu tổn thất kinh tế do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

2.6.2.3. Tác động xã hội

a) Đối với người lao động

- Tác động tích cực

- Nâng cao mức độ bảo vệ người lao động thông qua việc tăng cường một số biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Góp phần nâng cao nhận thức của người lao động về an toàn, vệ sinh lao động và phòng ngừa rủi ro nghề nghiệp.
- Cải thiện một phần điều kiện lao động tại nơi làm việc.

- Tác động tiêu cực

- Chưa tạo được sự chuyển biến rõ nét trong việc xây dựng văn hóa an toàn lao động và tăng cường phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại nơi làm việc.
- Hiệu quả phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp còn phụ thuộc nhiều vào mức độ thực hiện của từng doanh nghiệp.

b) Đối với người sử dụng lao động

- Tác động tích cực

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người sử dụng lao động đối với công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Từng bước chuyển từ tư duy xử lý sự cố sang tư duy phòng ngừa rủi ro.

- Tác động tiêu cực

- Một số doanh nghiệp có thể gặp khó khăn trong việc thích ứng với các yêu cầu mới về quản lý an toàn, vệ sinh lao động.

c) Đối với xã hội

- Tác động tích cực

- Góp phần nâng cao nhận thức xã hội về công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Tạo chuyển biến bước đầu trong xây dựng văn hóa an toàn lao động.
- Hỗ trợ thực hiện các mục tiêu bảo đảm an sinh xã hội và phát triển bền vững.

- Tác động tiêu cực

- Chưa tạo được sự chuyển biến toàn diện về văn hóa an toàn lao động và ý thức phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong toàn xã hội.
- Hiệu quả xã hội đạt được còn hạn chế do phạm vi sửa đổi chưa toàn diện.

2.6.2.4. Tác động đối với thủ tục hành chính

- Tác động tích cực

- Tạo cơ sở pháp lý để từng bước đổi mới phương thức thực hiện một số thủ tục, chế độ báo cáo và cung cấp thông tin trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động theo hướng điện tử hóa.
- Hỗ trợ cơ quan nhà nước, người sử dụng lao động và các tổ chức liên quan trong việc khai thác, sử dụng thông tin phục vụ công tác quản lý và phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Góp phần nâng cao tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

- Tác động tiêu cực

- Có thể phát sinh yêu cầu điều chỉnh một số biểu mẫu, quy trình hoặc phương thức thực hiện chế độ báo cáo hiện hành.
- Trong thời gian đầu triển khai, cơ quan nhà nước và doanh nghiệp có thể phát sinh chi phí cập nhật, thích ứng với các quy định mới.

- Hiệu quả cải cách thủ tục hành chính chưa cao do phạm vi sửa đổi còn hạn chế và chưa hình thành cơ sở dữ liệu đồng bộ.

2.6.2.5. Tác động đối với tổ chức bộ máy nhà nước, nguồn nhân lực

- Tác động tích cực

- Nâng cao năng lực quản lý và tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động thông qua việc hoàn thiện một số quy định về nhận diện nguy cơ, đánh giá rủi ro, kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại và ứng dụng công nghệ số.
- Tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước từng bước tiếp cận phương thức quản lý hiện đại dựa trên dữ liệu và thông tin điện tử.
- Không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới và không làm tăng biên chế.

- Tác động tiêu cực

- Phát sinh nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức để thực hiện các quy định mới.
- Một số cơ quan, đơn vị phải điều chỉnh phương thức làm việc và quy trình nghiệp vụ.
- Chưa tạo được sự thay đổi căn bản về năng lực quản lý nhà nước do phạm vi sửa đổi chưa toàn diện.

2.6.2.6. Tác động về giới

- Tác động tích cực

- Góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với mọi người lao động, không phân biệt giới tính.
- Hỗ trợ nâng cao mức độ bảo vệ đối với các nhóm lao động có nguy cơ cao, trong đó có lao động nữ làm việc trong môi trường có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại.
- Từng bước tạo điều kiện cho việc thu thập, quản lý và khai thác dữ liệu phục vụ đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe nghề nghiệp theo giới.

- Tác động tiêu cực

- Không có tác động tiêu cực trực tiếp về giới.
- Tác động tích cực đối với bình đẳng giới còn hạn chế do phạm vi điều chỉnh của giải pháp chưa toàn diện.

2.6.2.7. Tính khả thi của giải pháp

- Tác động tích cực

- Có tính khả thi tương đối cao do chủ yếu sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật hiện hành.
- Không làm thay đổi căn bản mô hình quản lý hiện có.
- Không làm phát sinh yêu cầu lớn về tổ chức bộ máy, biên chế hoặc nguồn lực đầu tư.
- Phù hợp với điều kiện thực tiễn và năng lực tổ chức thực hiện hiện nay của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

- Tác động tiêu cực

- Khả năng giải quyết các vấn đề chính sách còn hạn chế do chỉ sửa đổi, bổ sung một phần các quy định hiện hành.
- Có nguy cơ phát sinh nhu cầu tiếp tục sửa đổi pháp luật trong tương lai để xử lý các bất cập còn tồn tại.
- Hiệu quả triển khai phụ thuộc nhiều vào việc ban hành văn bản hướng dẫn và tổ chức thực hiện của các cơ quan có liên quan.

2.6.2.8. Kết luận về Giải pháp 2

Giải pháp 2 góp phần khắc phục một phần những hạn chế của Luật An toàn, vệ sinh lao động hiện hành; từng bước hoàn thiện cơ sở pháp lý về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, ứng dụng công nghệ số và quản lý dữ liệu trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động. Giải pháp có tính khả thi tương đối cao, không làm phát sinh yêu cầu lớn về tổ chức bộ máy và nguồn lực thực hiện.

Tuy nhiên, giải pháp chỉ giải quyết được một phần các vấn đề chính sách đã được xác định; chưa tạo được khuôn khổ pháp lý đồng bộ về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, văn hóa an toàn lao động, dữ liệu và chuyển đổi số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động; chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thể chế hóa các chủ trương của Đảng và yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Do đó, Giải pháp 2 có thể xem xét nhưng chưa phải là phương án tối ưu để đạt được đầy đủ các mục tiêu của chính sách.

2.6.3. Đánh giá giải pháp 3 (Hoàn thiện đồng bộ cơ chế phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp)

2.6.3.1. Tác động đối với hệ thống pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan

Tác động tích cực

- Hoàn thiện đồng bộ khuôn khổ pháp lý về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; tăng cường nhận diện nguy cơ, đánh giá rủi ro và các biện pháp phòng ngừa tại nơi làm việc.
- Bổ sung đầy đủ cơ sở pháp lý về nhận diện nguy cơ, đánh giá rủi ro, kiểm soát các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại; xây dựng văn hóa an toàn lao động; dữ liệu, cơ sở dữ liệu và chuyển đổi số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.
- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của Luật An toàn, vệ sinh lao động với Luật Dữ liệu, Luật Giao dịch điện tử và các quy định pháp luật liên quan đến chuyển đổi số, quản lý dữ liệu.
- Thể chế hóa đầy đủ các chủ trương của Đảng về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia và tăng cường công tác an toàn, vệ sinh lao động.
- Tiếp cận và phù hợp hơn với các nguyên tắc, khuyến nghị của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) và xu hướng quốc tế về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, xây dựng văn hóa an toàn lao động và ứng dụng khoa học, công nghệ trong công tác an toàn, vệ sinh lao động.

Tác động tiêu cực

- Cần rà soát, sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.
- Trong giai đoạn đầu có thể phát sinh nhu cầu hướng dẫn, tập huấn và hỗ trợ triển khai đối với một số quy định mới về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, xây dựng cơ sở dữ liệu và chuyển đổi số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

2.6.3.2. Tác động kinh tế

a) Đối với cơ quan nhà nước

Tác động tích cực

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước thông qua việc ứng dụng dữ liệu số, cơ sở dữ liệu và các công cụ quản trị hiện đại trong công tác an toàn, vệ sinh lao động.
- Giảm chi phí quản lý trong dài hạn nhờ tăng cường khả năng theo dõi, giám sát, cảnh báo và phân tích thông tin phục vụ công tác phòng ngừa.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực nhà nước trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện pháp luật.

Tác động tiêu cực

- Phát sinh chi phí đầu tư ban đầu cho việc xây dựng, nâng cấp hệ thống dữ liệu, cơ sở dữ liệu và hạ tầng kỹ thuật phục vụ quản lý.
- Phát sinh chi phí đào tạo, tập huấn và tổ chức triển khai thực hiện các quy định mới.

b) Đối với người sử dụng lao động

Tác động tích cực

- Giảm thiểu thiệt hại kinh tế do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động.
- Nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp thông qua việc tăng cường phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và áp dụng các hệ thống quản lý an toàn, vệ sinh lao động tiên tiến.
- Góp phần giảm chi phí gián tiếp liên quan đến gián đoạn sản xuất, bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả tai nạn lao động.
- Nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

Tác động tiêu cực

- Có thể phát sinh chi phí đầu tư, nâng cấp hệ thống quản lý an toàn, đào tạo nhân sự và thực hiện các yêu cầu mới về đánh giá rủi ro, quản lý dữ liệu.
- Một số doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ có thể gặp khó khăn trong giai đoạn đầu triển khai.

c) Đối với người lao động

Tác động tích cực

- Giảm nguy cơ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các rủi ro nghề nghiệp khác.
- Giảm thiểu tổn thất về thu nhập do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp gây ra.
- Được làm việc trong điều kiện lao động an toàn hơn, ổn định hơn và có chất lượng tốt hơn.

Tác động tiêu cực

- Không có tác động kinh tế tiêu cực đáng kể đối với người lao động.

d) Đối với xã hội

Tác động tích cực

- Giảm tổn thất kinh tế do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực xã hội cho công tác phòng ngừa rủi ro nghề nghiệp.
- Góp phần cải thiện môi trường đầu tư, môi trường sản xuất kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.
- Thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững gắn với phát triển nguồn nhân lực.

Tác động tiêu cực

- Phát sinh chi phí đầu tư xã hội ban đầu cho việc triển khai các giải pháp chuyển đổi số và hiện đại hóa công tác quản lý an toàn, vệ sinh lao động.

Đánh giá chung

Mặc dù phát sinh một số chi phí đầu tư ban đầu, nhưng lợi ích kinh tế dài hạn mà giải pháp mang lại lớn hơn đáng kể thông qua việc giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, nâng cao năng suất lao động và hiệu quả quản trị.

2.6.3.3. Tác động xã hội

a) Đối với người lao động

Tác động tích cực

- Nâng cao mức độ bảo vệ tính mạng, sức khỏe và khả năng làm việc của người lao động.
- Tăng cường khả năng nhận diện và kiểm soát các nguy cơ mất an toàn tại nơi làm việc.
- Cải thiện điều kiện lao động và môi trường làm việc.
- Góp phần xây dựng văn hóa an toàn lao động và nâng cao ý thức phòng ngừa rủi ro nghề nghiệp.

Tác động tiêu cực

- Người lao động cần thời gian để thích ứng với các quy trình, yêu cầu và phương thức quản lý mới liên quan đến công tác an toàn, vệ sinh lao động.

b) Đối với người sử dụng lao động

Tác động tích cực

- Nâng cao trách nhiệm xã hội và văn hóa an toàn trong doanh nghiệp.

- Tạo chuyển biến từ tư duy tuân thủ sang tư duy quản trị rủi ro và phòng ngừa chủ động.

- Góp phần xây dựng môi trường lao động ổn định, hài hòa và bền vững.

Tác động tiêu cực

- Một số doanh nghiệp có thể gặp khó khăn trong giai đoạn đầu chuyển đổi phương thức quản lý an toàn, vệ sinh lao động.

c) Đối với xã hội

Tác động tích cực

- Góp phần giảm số vụ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các hậu quả xã hội do tai nạn lao động gây ra.

- Thúc đẩy hình thành văn hóa phòng ngừa trong doanh nghiệp và toàn xã hội.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và chất lượng cuộc sống của người lao động.

- Góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm an sinh xã hội và phát triển con người.

Tác động tiêu cực

- Có thể phát sinh một số khó khăn trong giai đoạn đầu do yêu cầu thay đổi phương thức quản lý, cập nhật quy trình làm việc và triển khai các quy định mới về dữ liệu, chuyển đổi số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

2.6.3.4. Tác động đối với thủ tục hành chính

Tác động tích cực

- Tạo cơ sở pháp lý để đổi mới phương thức thực hiện các chế độ báo cáo, thống kê, cung cấp và khai thác thông tin trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động theo hướng điện tử hóa.

- Góp phần giảm giấy tờ, giảm thời gian tổng hợp, gửi, tiếp nhận và xử lý thông tin về an toàn, vệ sinh lao động.

- Tăng khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan quản lý nhà nước, người sử dụng lao động và các chủ thể có liên quan.

- Không đặt ra yêu cầu phát sinh thủ tục hành chính mới ở cấp Luật.

Tác động tiêu cực

- Trong giai đoạn đầu có thể phát sinh yêu cầu điều chỉnh biểu mẫu, quy trình nghiệp vụ và phương thức thực hiện báo cáo, thống kê.

- Một số cơ quan, doanh nghiệp cần thời gian để thích ứng với phương thức thực hiện trên môi trường số.

2.6.3.5. Tác động đối với tổ chức bộ máy nhà nước, nguồn nhân lực

Tác động tích cực

- Không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới, không làm tăng biên chế.
- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước thông qua ứng dụng dữ liệu số, cơ sở dữ liệu và các công cụ hỗ trợ giám sát, cảnh báo, phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Góp phần nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.
- Hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước thực hiện tốt hơn công tác theo dõi, giám sát, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện pháp luật.

Tác động tiêu cực

- Phát sinh nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ, công chức về dữ liệu số, chuyển đổi số và các phương thức quản lý mới trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.
- Trong giai đoạn đầu, một số cơ quan có thể phải điều chỉnh quy trình nội bộ và phương thức phối hợp.

2.6.3.6. Tác động về giới

Tác động tích cực

- Không tạo ra sự phân biệt đối xử về giới trong tiếp cận chính sách an toàn, vệ sinh lao động.
- Góp phần nâng cao hiệu quả phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với cả lao động nam và lao động nữ.
- Việc ứng dụng dữ liệu số có thể hỗ trợ theo dõi, đánh giá tốt hơn các yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại ảnh hưởng đến lao động nữ, lao động mang thai, lao động nuôi con nhỏ và các nhóm lao động dễ bị tổn thương.
- Góp phần cải thiện điều kiện lao động và bảo vệ sức khỏe nghề nghiệp cho lao động nữ trong các ngành, nghề có nguy cơ cao.

Tác động tiêu cực

- Không có tác động tiêu cực trực tiếp về giới.
- Trong giai đoạn đầu, nếu việc thu thập, phân tích dữ liệu chưa được thiết kế đầy đủ theo nhóm giới thì hiệu quả hỗ trợ hoạch định chính sách nhạy cảm giới còn hạn chế.

2.6.3.7. Tính khả thi của giải pháp

Tác động tích cực

- Phù hợp với chủ trương của Đảng về tăng cường công tác an toàn, vệ sinh lao động, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Phù hợp với yêu cầu thực tiễn về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong bối cảnh phát triển công nghệ, thiết bị, vật liệu và phương thức sản xuất mới.
- Kế thừa các quy định hiện hành, đồng thời bổ sung các nội dung cần thiết về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; văn hóa an toàn lao động; dữ liệu số và chuyển đổi số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.
- Không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới, không làm tăng biên chế.
- Có thể triển khai theo lộ trình, phù hợp với năng lực của cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các chủ thể có liên quan.

Tác động tiêu cực

- Cần nguồn lực ban đầu để hoàn thiện cơ sở dữ liệu, hạ tầng kỹ thuật, phần mềm quản lý và đào tạo nhân lực.
- Khả năng triển khai không đồng đều giữa các địa phương, ngành, lĩnh vực và doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.
- Cần có văn bản hướng dẫn chi tiết để bảo đảm thực hiện thống nhất.

2.6.3.8. Kết luận về Giải pháp 3

Giải pháp 3 tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho việc hoàn thiện cơ chế phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo hướng chủ động, lấy phòng ngừa làm trọng tâm; xây dựng văn hóa an toàn lao động; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và dữ liệu số trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

Mặc dù có thể phát sinh một số chi phí ban đầu về hạ tầng kỹ thuật, đào tạo nhân lực và tổ chức triển khai, nhưng lợi ích dài hạn của giải pháp là rõ rệt, nhất là trong việc giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, giảm chi phí xã hội và cải thiện điều kiện lao động.

Vì vậy, Giải pháp 3 là phương án tối ưu và được lựa chọn.

3. Chính sách 3. Hoàn thiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

3.1. Bối cảnh xây dựng chính sách

a) Bối cảnh trong nước

Sau gần 10 năm thực hiện Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015, chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đã góp phần quan trọng trong

việc bảo vệ người lao động trước các rủi ro nghề nghiệp, hỗ trợ khắc phục hậu quả tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và bảo đảm an sinh xã hội.

Tuy nhiên, quá trình phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu lao động, xuất hiện các hình thức việc làm mới, sự gia tăng lao động cao tuổi và yêu cầu mở rộng diện bao phủ an sinh xã hội đã đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, thực tiễn thi hành Luật cho thấy một số quy định về đối tượng tham gia, chế độ bảo hiểm, mức hưởng và cơ chế sử dụng Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đã bộc lộ những hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu bảo vệ người lao động và phòng ngừa rủi ro nghề nghiệp trong giai đoạn mới.

Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ phòng ngừa và chia sẻ rủi ro từ Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp chưa phát huy đầy đủ hiệu quả; nguồn lực của Quỹ chưa được khai thác tương xứng để hỗ trợ công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và nâng cao điều kiện lao động.

b) Bối cảnh quốc tế

Nhiều quốc gia đang có xu hướng mở rộng diện bao phủ các chế độ bảo hiểm nghề nghiệp đối với nhiều nhóm lao động khác nhau, đồng thời tăng cường vai trò của các quỹ bảo hiểm nghề nghiệp trong công tác phòng ngừa và quản lý rủi ro.

Các Công ước, Khuyến nghị của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) về an sinh xã hội và an toàn, vệ sinh lao động đều nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm bù đắp thỏa đáng cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; đồng thời khuyến khích tăng cường các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro nghề nghiệp.

Xu hướng phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, bao trùm và bền vững đòi hỏi Việt Nam tiếp tục hoàn thiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và các cam kết quốc tế.

3.2. Mục tiêu xây dựng chính sách

3.2.1. Mục tiêu tổng quát

Hoàn thiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo hướng mở rộng diện bao phủ, nâng cao mức độ bảo vệ người lao động trước các rủi ro nghề nghiệp, phát huy hiệu quả vai trò phòng ngừa và chia sẻ rủi ro của Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; góp phần hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội và thúc đẩy phát triển bền vững.

3.2.2. Mục tiêu cụ thể

- Mở rộng diện bao phủ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp phù hợp với sự phát triển của thị trường lao động và các hình thức việc làm mới.

- Nâng cao hiệu quả bảo vệ người lao động thông qua việc hoàn thiện các chế độ, chính sách và mức hưởng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động đối với người lao động không có quan hệ lao động.
- Phát huy vai trò của Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và chia sẻ rủi ro.
- Góp phần thực hiện mục tiêu mở rộng diện bao phủ an sinh xã hội, bảo đảm quyền an sinh xã hội của người lao động theo các chủ trương của Đảng và Nhà nước.

3.3. Vấn đề cần giải quyết và nguyên nhân của vấn đề

3.3.1. Vấn đề 1. Diện bao phủ của chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn

Nguyên nhân :

- + Một số nhóm lao động có nguy cơ tai nạn lao động nhưng chưa được bao phủ đầy đủ bởi chính sách hiện hành. Quy định về đối tượng tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tự nguyện chưa bao quát một số nhóm đối tượng phát sinh trong thực tiễn mà có quan hệ lao động như người lao động làm việc theo hợp đồng lao động dưới 01 tháng
- + Chính sách đối với người lao động không có quan hệ lao động còn mới, cần tiếp tục hoàn thiện trên cơ sở thực tiễn triển khai².

² Đối với bảo hiểm tai nạn lao động tự nguyện đang gặp khó khăn sau:

+ Cơ chế chia sẻ rủi ro: Bảo hiểm tai nạn lao động hoạt động theo nguyên tắc lấy sự đóng góp của số đông (ít nguy cơ) nhằm chia sẻ rủi ro cho số ít người được hưởng (khu vực BHXH bắt buộc là trên 100 người đóng cho 1 người hưởng). Nhưng với cơ chế “tự nguyện” thì chỉ những người lao động làm những nghề, công việc có nguy cơ cao về tai nạn lao động mới tham gia bảo hiểm xã hội TNLĐ tự nguyện, nên tính chia sẻ rủi ro trong nhóm này thấp, khác xa với khu vực bắt buộc. Vì vậy, muốn nâng cao, tăng sự hấp dẫn thì phải tăng tài trợ của Nhà nước

+ Về mức phí đóng và sự hỗ trợ của Nhà nước: Do thiếu số đông những người có nguy cơ thấp tham gia, nên người lao động tham gia cần đóng ở mức phí cao hơn nếu dự kiến cùng hưởng một chế độ (mức hưởng) như khu vực bắt buộc hoặc phải có sự hỗ trợ của Nhà nước, để bảo đảm cân bằng giữa đóng và hưởng. Đây là thách thức lớn, đặc biệt trong bối cảnh của Việt Nam hiện nay, khi người lao động tự do làm các công việc rủi ro cao, thu nhập thấp, không ổn định, tình hình tài chính ngân sách nhà nước cũng không phải dồi dào.

+ Về lực lượng tham gia điều tra tai nạn lao động: Bảo hiểm xã hội tự nguyện về hưu trí, tử tuất thì căn cứ vào thời gian đóng của chính người lao động để xác định chế độ, nhưng BHXH tự nguyện về tai nạn lao động thì còn phải qua một khâu hành chính trung gian để điều tra, xác định tai nạn lao động mới được hưởng chế độ. Đối với khu vực BHXH bắt buộc thì việc điều tra TNLĐ có sự hỗ trợ của người sử dụng lao động, đối với khu vực tự nguyện thì việc điều tra này sẽ chỉ còn là trách nhiệm của các cơ quan nhà nước có liên quan. Đây cũng là một thách thức trong bối cảnh thực hiện chủ trương tinh giảm biên chế.

Qua tham khảo kinh nghiệm của các chuyên gia của Tổ chức lao động quốc tế - ILO (Văn phòng đại diện tại Hà Nội), thì cũng thấy rằng tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện về tai nạn lao động là thấp, chưa có quốc

3.3.2. Vấn đề 2. Mức độ bảo vệ và hỗ trợ người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tiễn

Nguyên nhân :

- + Một số chế độ, điều kiện hưởng và mức hưởng được xây dựng trong bối cảnh kinh tế - xã hội trước đây, đến nay đã bộc lộ những hạn chế nhất định.
- + Nhu cầu hỗ trợ phục hồi khả năng lao động, ổn định đời sống và tái hòa nhập thị trường lao động của người lao động ngày càng cao.
- + Cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế bảo hiểm nhằm bảo đảm hài hòa giữa khả năng cân đối Quỹ và yêu cầu bảo vệ người lao động.

3.3.3 Vấn đề 3. Vai trò phòng ngừa và chia sẻ rủi ro của Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp chưa được phát huy đầy đủ

Nguyên nhân

- + Phạm vi các chính sách hỗ trợ từ Quỹ cho hoạt động phòng ngừa và chia sẻ rủi ro còn hạn chế.
- + Hiệu quả sử dụng nguồn lực của Quỹ cho các hoạt động phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu thực tiễn.
- + Chưa khai thác đầy đủ vai trò của Quỹ trong việc hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động và các hoạt động nghiên cứu, tư vấn, ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ phòng ngừa rủi ro nghề nghiệp.
- + Cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế sử dụng Quỹ theo hướng chủ động phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro và tăng cường khả năng hỗ trợ người lao động khi gặp rủi ro nghề nghiệp.

3.4. Nội dung của chính sách

3.4.1. Nội dung 1. Hoàn thiện các quy định về đối tượng tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Rà soát, hoàn thiện các quy định về đối tượng tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp bắt buộc.

gia nào quy định bảo hiểm xã hội về tai nạn lao động theo hình thức tự nguyện cho tất cả người làm việc không theo hợp đồng lao động như ở Việt Nam.

Bảo hiểm xã hội tự nguyện về hưu trí, tử tuất được triển khai thực hiện từ năm 2006 đến nay, với rất nhiều chính sách hỗ trợ, khuyến khích người lao động tham gia nhưng mới có vài triệu người tham gia.

- Hoàn thiện các quy định về bảo hiểm tai nạn lao động đối với người lao động không có quan hệ lao động.

- Mở rộng diện bao phủ chính sách phù hợp với sự phát triển của thị trường lao động và các hình thức việc làm mới.

3.4.2. Nội dung 2. Hoàn thiện các quy định về chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Hoàn thiện các quy định về điều kiện hưởng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Hoàn thiện các quy định về mức hưởng, phương thức xác định mức hưởng và cơ chế chi trả các chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Nâng cao mức độ bảo vệ và hỗ trợ đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

3.4.3. Nội dung 3. Hoàn thiện cơ chế sử dụng Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp nhằm tăng cường phòng ngừa và chia sẻ rủi ro

- Hoàn thiện các chính sách hỗ trợ phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp từ Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Mở rộng và nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ phòng ngừa, cải thiện điều kiện lao động và kiểm soát rủi ro nghề nghiệp.

- Hoàn thiện cơ chế hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động trong các trường hợp rủi ro nghề nghiệp.

- Phát huy vai trò của Quỹ trong hỗ trợ nghiên cứu khoa học, ứng dụng công nghệ, tư vấn và các hoạt động nâng cao năng lực phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

3.5. Các giải pháp thực hiện chính sách

3.5.1. Giải pháp 1. Giữ nguyên các quy định hiện hành

- Tiếp tục thực hiện các quy định hiện hành của Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 về:

- Đối tượng tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

- Chế độ, điều kiện hưởng và mức hưởng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

- Các chính sách hỗ trợ phòng ngừa và chia sẻ rủi ro từ Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

3.5.2. Giải pháp 2. Sửa đổi, bổ sung một số quy định về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Mở rộng một phần đối tượng tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Điều chỉnh một số chế độ, điều kiện hưởng và mức hưởng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Bổ sung một số chính sách hỗ trợ phòng ngừa và chia sẻ rủi ro từ Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Hoàn thiện một phần các quy định liên quan đến người lao động không có quan hệ lao động.

3.5.3. Giải pháp 3. Hoàn thiện đồng bộ chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo hướng mở rộng diện bao phủ, nâng cao mức độ bảo vệ và phát huy vai trò phòng ngừa, chia sẻ rủi ro của Quỹ

- Hoàn thiện toàn diện các quy định về đối tượng tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Hoàn thiện các chế độ bảo hiểm, điều kiện hưởng và mức hưởng theo hướng nâng cao hiệu quả bảo vệ người lao động.

- Hoàn thiện chính sách đối với người lao động không có quan hệ lao động trên cơ sở tổng kết thực tiễn và bảo đảm tính khả thi.

- Mở rộng phạm vi và nâng cao hiệu quả các chính sách hỗ trợ phòng ngừa, chia sẻ rủi ro từ Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Tăng cường vai trò của Quỹ trong hỗ trợ người lao động, doanh nghiệp, hoạt động nghiên cứu khoa học, tư vấn, ứng dụng công nghệ và các giải pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Bảo đảm sử dụng hiệu quả, an toàn và bền vững Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

3.6 Đánh giá tác động của các giải pháp:

3.6.1. Đánh giá Giải pháp 1 (Giữ nguyên các quy định hiện hành)

3.6.1.1. Tác động đối với hệ thống pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan

Tác động tích cực

- Không phát sinh yêu cầu sửa đổi, bổ sung Luật An toàn, vệ sinh lao động và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.
- Bảo đảm tính ổn định của hệ thống pháp luật hiện hành về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Không phát sinh yêu cầu điều chỉnh các quy định liên quan trong Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản pháp luật có liên quan.

Tác động tiêu cực

- Không khắc phục được các hạn chế của chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hiện hành về diện bao phủ, chế độ bảo hiểm và cơ chế sử dụng Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Chưa tạo cơ sở pháp lý để mở rộng phạm vi bảo vệ đối với các nhóm lao động phát sinh trong thực tiễn.
- Chưa phát huy đầy đủ vai trò của Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong công tác phòng ngừa và chia sẻ rủi ro.
- Chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội theo các chủ trương của Đảng.
- Mức độ tiếp cận các thông lệ quốc tế về mở rộng bảo hiểm nghề nghiệp và tăng cường phòng ngừa rủi ro còn hạn chế.

3.6.1.2. Tác động kinh tế

a) Đối với Nhà nước

Tác động tích cực

- Không phát sinh chi phí xây dựng chính sách, sửa đổi pháp luật và tổ chức triển khai thực hiện.
- Không phát sinh yêu cầu đầu tư nguồn lực bổ sung cho việc tổ chức thực hiện chính sách mới.

Tác động tiêu cực

- Chưa nâng cao hiệu quả sử dụng Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Tiếp tục duy trì tình trạng một số nguồn lực của Quỹ chưa được khai thác hiệu quả cho mục tiêu phòng ngừa và chia sẻ rủi ro.

b) Đối với người sử dụng lao động

- Tác động tích cực

- Không phát sinh nghĩa vụ hoặc chi phí tuân thủ mới.
- Không phát sinh chi phí chuyển đổi khi thực hiện chính sách.

- Tác động tiêu cực:

- Chưa tạo thêm cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp trong hoạt động phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Tiếp tục phát sinh chi phí do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các sự cố mất an toàn lao động gây ra.

c) Đối với người lao động

- Tác động tích cực

- Không phát sinh nghĩa vụ tài chính mới đối với người lao động.
- Quyền lợi hiện hành tiếp tục được duy trì ổn định.

- Tác động tiêu cực

- Người lao động chưa được hưởng các cơ chế bảo vệ và hỗ trợ mới phù hợp với yêu cầu thực tiễn.
- Một số nhóm lao động chưa được bao phủ đầy đủ tiếp tục không được tiếp cận chính sách bảo hiểm tai nạn lao động.

d) Đối với xã hội

- Tác động tích cực

- Không phát sinh chi phí xã hội cho việc thay đổi chính sách hoặc tổ chức thực hiện.

- Tác động tiêu cực

- Chưa khai thác hiệu quả nguồn lực của Quỹ nhằm giảm thiểu tổn thất kinh tế do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp gây ra.
- Tiếp tục phát sinh các chi phí xã hội liên quan đến tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và hậu quả của các rủi ro nghề nghiệp.

3.6.1.3. Tác động xã hội

a) Đối với người lao động

- Tác động tích cực

- Duy trì ổn định các chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hiện hành.
- Không làm thay đổi quyền và lợi ích hiện có của người lao động.

- Tác động tiêu cực

- Chưa mở rộng khả năng tiếp cận chính sách đối với các nhóm lao động chưa được bao phủ đầy đủ.
- Chưa nâng cao mức độ bảo vệ người lao động trước các rủi ro nghề nghiệp.
- Chưa tạo thêm các cơ chế hỗ trợ người lao động khi gặp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

b) Đối với người sử dụng lao động

- Tác động tích cực

- Không phải điều chỉnh phương thức thực hiện chính sách hoặc thực hiện các nghĩa vụ mới.

- Tác động tiêu cực

- Chưa tạo động lực mạnh hơn để đầu tư cải thiện điều kiện lao động và phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Chưa được hưởng lợi từ các cơ chế hỗ trợ mới từ Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

c) Đối với xã hội

- Tác động tích cực

- Duy trì sự ổn định của hệ thống bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hiện hành.

- Tác động tiêu cực

- Chưa góp phần mở rộng đáng kể diện bao phủ an sinh xã hội.
- Chưa phát huy đầy đủ vai trò của chính sách bảo hiểm tai nạn lao động trong phòng ngừa và chia sẻ rủi ro.
- Chưa tạo chuyển biến rõ rệt trong việc giảm thiểu hậu quả xã hội do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp gây ra.

3.6.1.4. Tác động đối với thủ tục hành chính

- Tác động tích cực

- Không phát sinh thủ tục hành chính mới liên quan đến bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Không làm thay đổi hồ sơ, trình tự, thủ tục giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hiện hành.
- Không phát sinh chi phí tuân thủ hành chính mới đối với người lao động, người sử dụng lao động và cơ quan nhà nước.

- Tác động tiêu cực

- Chưa khắc phục được các bất cập trong quá trình giải quyết chế độ, chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Chưa tạo cơ sở để đơn giản hóa thủ tục, hồ sơ và phương thức thực hiện các chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Chưa tạo điều kiện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, dữ liệu số trong quản lý và thực hiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

3.6.1.5. Tác động đối với tổ chức bộ máy nhà nước, nguồn nhân lực

- Tác động tích cực

- Không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới.
- Không làm tăng biên chế hoặc nhu cầu bố trí thêm nhân lực.
- Không phát sinh yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng hoặc tổ chức lại bộ máy thực hiện chính sách.

- Tác động tiêu cực

- Chưa tạo điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan thực hiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Chưa phát huy hiệu quả nguồn nhân lực hiện có trong công tác quản lý, tổ chức thực hiện và hỗ trợ người lao động.
- Chưa tạo cơ sở để đổi mới phương thức quản lý và thực hiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

3.6.1.6. Tác động về giới

Tác động tích cực

- Không làm thay đổi các quyền và nghĩa vụ hiện hành giữa lao động nam và lao động nữ trong việc tham gia và thụ hưởng chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Không tạo ra sự phân biệt đối xử về giới.

- Tác động tiêu cực

- Chưa tạo thêm cơ chế bảo vệ hoặc hỗ trợ đối với các nhóm lao động dễ bị tổn thương, trong đó có lao động nữ làm việc trong môi trường có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại.
- Chưa tạo điều kiện để nâng cao hiệu quả bảo vệ sức khỏe nghề nghiệp cho lao động nữ thông qua các chính sách hỗ trợ phòng ngừa và chia sẻ rủi ro.

3.6.1.7. Tính khả thi của giải pháp

- Tác động tích cực

- Có tính khả thi cao do không yêu cầu sửa đổi, bổ sung chính sách hiện hành.
- Không phát sinh yêu cầu đầu tư nguồn lực mới.
- Không làm thay đổi cơ chế tổ chức thực hiện hiện nay.

- Tác động tiêu cực

- Không giải quyết được các vấn đề chính sách đã được xác định.

- Không đáp ứng yêu cầu mở rộng diện bao phủ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Không đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả bảo vệ người lao động và phát huy vai trò phòng ngừa, chia sẻ rủi ro của Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Không đáp ứng yêu cầu hoàn thiện chính sách an sinh xã hội trong bối cảnh mới.

3.6.1.8. Kết luận về Giải pháp 1

Giải pháp giữ nguyên các quy định hiện hành có ưu điểm là bảo đảm tính ổn định của hệ thống pháp luật, không làm phát sinh chi phí thực hiện mới, không làm thay đổi thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực thực hiện chính sách.

Tuy nhiên, giải pháp này không giải quyết được các hạn chế đã được xác định về diện bao phủ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; mức độ bảo vệ người lao động; hiệu quả sử dụng Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong phòng ngừa và chia sẻ rủi ro; đồng thời chưa đáp ứng yêu cầu hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội trong giai đoạn mới.

Do đó, Giải pháp 1 không đáp ứng được mục tiêu của chính sách và không được lựa chọn.

3.6.2. **Đánh giá Giải pháp 2** (Sửa đổi, bổ sung một số quy định về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp)

3.6.2.1. Tác động đối với hệ thống pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan

- Tác động tích cực

- Góp phần hoàn thiện một số quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Mở rộng một phần phạm vi bảo vệ của chính sách đối với một số nhóm lao động phát sinh trong thực tiễn.
- Hoàn thiện một số quy định về chế độ bảo hiểm và cơ chế hỗ trợ từ Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Từng bước tiếp cận các nguyên tắc của ILO về bảo vệ người lao động trước các rủi ro nghề nghiệp và mở rộng an sinh xã hội.
- Góp phần thể chế hóa một phần chủ trương của Đảng về mở rộng diện bao phủ an sinh xã hội và nâng cao hiệu quả chính sách bảo hiểm xã hội.

- Tác động tiêu cực

- Chưa tạo được khuôn khổ pháp lý đồng bộ để giải quyết toàn diện các vấn đề về đối tượng tham gia, mức hưởng và cơ chế phòng ngừa, chia sẻ rủi ro.
- Một số bất cập của chính sách hiện hành tiếp tục tồn tại do phạm vi sửa đổi còn hạn chế.
- Có thể phát sinh nhu cầu tiếp tục sửa đổi pháp luật trong thời gian tới để xử lý các vấn đề chưa được giải quyết triệt để.

3.6.2.2. Tác động kinh tế

a) Đối với Nhà nước

- Tác động tích cực

- Nâng cao hiệu quả sử dụng một phần nguồn lực của Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Tăng hiệu quả hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động trong một số trường hợp rủi ro nghề nghiệp.
- Góp phần giảm một phần chi phí xã hội phát sinh từ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Tác động tiêu cực

- Phát sinh chi phí tổ chức thực hiện, hướng dẫn và quản lý chính sách mới.
- Hiệu quả khai thác nguồn lực của Quỹ chưa đạt tối đa do phạm vi sửa đổi còn hạn chế.

b) Đối với người sử dụng lao động

- Tác động tích cực

- Được hưởng lợi từ việc hoàn thiện một số cơ chế hỗ trợ phòng ngừa và chia sẻ rủi ro.
- Giảm một phần chi phí phát sinh từ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Tạo điều kiện cải thiện điều kiện lao động và môi trường làm việc.

- Tác động tiêu cực

- Có thể phát sinh một số chi phí tuân thủ để đáp ứng các quy định mới.
- Hiệu quả hỗ trợ còn hạn chế do phạm vi chính sách chưa được mở rộng toàn diện.

c) Đối với người lao động

- Tác động tích cực

- Một số nhóm người lao động được mở rộng cơ hội tiếp cận chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Được hưởng lợi từ việc điều chỉnh một số chế độ và mức hưởng.
- Tăng khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ từ Quỹ.

- Tác động tiêu cực

- Mức độ cải thiện quyền lợi còn hạn chế do chưa sửa đổi đồng bộ toàn bộ chính sách.

d) Đối với xã hội

- Tác động tích cực

- Góp phần mở rộng diện bao phủ an sinh xã hội.
- Hỗ trợ giảm một phần tổn thất kinh tế do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp gây ra.
- Tăng hiệu quả sử dụng nguồn lực xã hội dành cho công tác phòng ngừa và hỗ trợ người lao động.

- Tác động tiêu cực

- Chưa khai thác đầy đủ tiềm năng của Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong phòng ngừa và chia sẻ rủi ro.

3.6.2.3. Tác động xã hội

a) Đối với người lao động

- Tác động tích cực

- Nâng cao mức độ bảo vệ đối với một bộ phận người lao động được mở rộng diện bao phủ.
- Cải thiện một số quyền lợi về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Tăng khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ khi gặp rủi ro nghề nghiệp.

- Tác động tiêu cực

- Chưa tạo được sự thay đổi đáng kể đối với toàn bộ người lao động có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Một số nhu cầu hỗ trợ và bảo vệ người lao động vẫn chưa được đáp ứng đầy đủ.

b) Đối với người sử dụng lao động

- Tác động tích cực

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Từng bước tạo động lực đầu tư cải thiện điều kiện lao động.

- Tác động tiêu cực

- Một số doanh nghiệp cần thời gian thích ứng với các quy định mới.

c) Đối với xã hội

- Tác động tích cực

- Góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách an sinh xã hội.
- Tăng cường hỗ trợ người lao động gặp rủi ro nghề nghiệp.
- Góp phần nâng cao nhận thức xã hội về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

- Tác động tiêu cực

- Chưa tạo được sự chuyển biến mạnh về vai trò phòng ngừa và chia sẻ rủi ro của Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Mức độ mở rộng bao phủ và nâng cao quyền lợi còn hạn chế so với yêu cầu thực tiễn.

3.6.2.4. Tác động đối với thủ tục hành chính

- Tác động tích cực

- Góp phần hoàn thiện một số quy định về hồ sơ, thủ tục thực hiện chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người lao động và người sử dụng lao động trong việc tiếp cận một số chế độ, chính sách hỗ trợ.
- Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa cơ quan bảo hiểm xã hội và các cơ quan có liên quan trong tổ chức thực hiện chính sách.

- Tác động tiêu cực

- Có thể phát sinh yêu cầu sửa đổi, bổ sung một số biểu mẫu, quy trình nghiệp vụ và hướng dẫn thực hiện.
- Trong giai đoạn đầu, người lao động, người sử dụng lao động và cơ quan thực hiện chính sách cần thời gian để thích ứng với các quy định mới.
- Chưa tạo được sự thay đổi toàn diện về phương thức quản lý và giải quyết thủ tục liên quan đến bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

3.6.2.5. Tác động đối với tổ chức bộ máy nhà nước, nguồn nhân lực

- Tác động tích cực

- Không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới và không làm tăng biên chế.
- Từng bước nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của các cơ quan có liên quan.
- Tạo điều kiện nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ thực hiện chính sách thông qua việc triển khai các quy định mới.

- Tác động tiêu cực

- Phát sinh nhu cầu tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho đội ngũ thực hiện chính sách.
- Một số cơ quan cần điều chỉnh quy trình nghiệp vụ để triển khai các quy định sửa đổi, bổ sung.
- Hiệu quả đổi mới phương thức quản lý còn hạn chế do chưa có sự thay đổi đồng bộ về cơ chế chính sách.

3.6.2.6. Tác động về giới

- Tác động tích cực

- Góp phần nâng cao khả năng tiếp cận chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với cả lao động nam và lao động nữ.
- Tăng cường mức độ bảo vệ đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trong đó có lao động nữ làm việc trong các ngành, nghề có nguy cơ cao.
- Không tạo ra sự phân biệt đối xử về giới trong tiếp cận và thụ hưởng chính sách.

Tác động tiêu cực

- Chưa tạo được những thay đổi đáng kể về chính sách hỗ trợ riêng đối với lao động nữ hoặc các nhóm lao động dễ bị tổn thương.
- Tác động tích cực đối với bình đẳng giới còn hạn chế do phạm vi sửa đổi chưa toàn diện.

3.6.2.7. Tính khả thi của giải pháp

Tác động tích cực

- Có tính khả thi tương đối cao do chủ yếu sửa đổi, bổ sung một số quy định hiện hành.
- Không đòi hỏi thay đổi lớn về tổ chức bộ máy hoặc nguồn lực thực hiện.
- Có thể triển khai trong điều kiện nguồn lực hiện nay của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan bảo hiểm xã hội và doanh nghiệp.

- Dễ tạo sự đồng thuận trong quá trình tổ chức thực hiện.
- Tác động tiêu cực
- Chỉ giải quyết được một phần các vấn đề chính sách đã được xác định.
- Có thể phát sinh nhu cầu tiếp tục sửa đổi chính sách trong tương lai.
- Hiệu quả đạt được phụ thuộc nhiều vào việc ban hành văn bản hướng dẫn và tổ chức thực hiện.

3.6.2.8. Kết luận về Giải pháp 2

Giải pháp 2 góp phần khắc phục một phần những hạn chế của chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hiện hành thông qua việc mở rộng một phần đối tượng tham gia, hoàn thiện một số chế độ bảo hiểm và bổ sung một số cơ chế hỗ trợ từ Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Giải pháp có tính khả thi tương đối cao, không làm phát sinh yêu cầu lớn về tổ chức bộ máy, biên chế và nguồn lực thực hiện.

Tuy nhiên, giải pháp chưa giải quyết toàn diện các vấn đề chính sách về diện bao phủ, mức độ bảo vệ người lao động và vai trò phòng ngừa, chia sẻ rủi ro của Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội và yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

Do đó, Giải pháp 2 có thể được xem xét nhưng chưa phải là phương án tối ưu để đạt được đầy đủ các mục tiêu của Chính sách 3.

3.6.3. Đánh giá Giải pháp 3 (Hoàn thiện đồng bộ chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo hướng mở rộng diện bao phủ, nâng cao mức độ bảo vệ và phát huy vai trò phòng ngừa, chia sẻ rủi ro của Quỹ)

3.6.3.1. Tác động đối với hệ thống pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan

-Tác động tích cực

- Hoàn thiện đồng bộ khuôn khổ pháp lý về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo hướng mở rộng diện bao phủ, nâng cao mức độ bảo vệ người lao động và phát huy vai trò phòng ngừa, chia sẻ rủi ro của Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa Luật An toàn, vệ sinh lao động với Luật Bảo hiểm xã hội và các quy định pháp luật có liên quan.
- Tạo cơ sở pháp lý để mở rộng hợp lý phạm vi bảo vệ đối với các nhóm lao động phát sinh trong thực tiễn và phù hợp với sự phát triển của thị trường lao động.
- Hoàn thiện cơ chế sử dụng Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả phòng ngừa, hỗ trợ và chia sẻ rủi ro.

- Thể chế hóa đầy đủ hơn các chủ trương của Đảng về mở rộng diện bao phủ an sinh xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội đa tầng, bền vững và lấy người dân làm trung tâm.
- Tiếp cận các nguyên tắc, tiêu chuẩn và khuyến nghị của ILO về bảo vệ người lao động trước rủi ro nghề nghiệp, mở rộng an sinh xã hội và tăng cường các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
 - Tác động tiêu cực
- Phát sinh yêu cầu rà soát, sửa đổi, bổ sung một số văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành.
- Cần thời gian để hoàn thiện hệ thống văn bản dưới luật nhằm bảo đảm triển khai thống nhất các quy định mới.

Đánh giá chung

Giải pháp 3 có tác động tích cực toàn diện đối với hệ thống pháp luật, tạo cơ sở pháp lý ổn định và lâu dài cho việc hoàn thiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong giai đoạn mới.

3.6.3.2. Tác động kinh tế

a) Đối với Nhà nước

- Tác động tích cực

- Nâng cao hiệu quả sử dụng Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Giảm chi phí xã hội do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thông qua việc tăng cường các hoạt động phòng ngừa và hỗ trợ sớm.
- Tăng hiệu quả đầu tư nguồn lực cho công tác an toàn, vệ sinh lao động.
- Góp phần giảm áp lực đối với các chính sách trợ giúp xã hội và các nguồn lực hỗ trợ khác của Nhà nước.

Tác động tiêu cực

- Phát sinh chi phí xây dựng, hoàn thiện cơ chế quản lý và tổ chức thực hiện các chính sách mới.
- Cần bố trí nguồn lực để triển khai, giám sát và đánh giá hiệu quả các chính sách hỗ trợ từ Quỹ.

b) Đối với người sử dụng lao động

- Tác động tích cực

- Giảm thiểu tổn thất kinh tế do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp gây ra.
- Tăng khả năng tiếp cận các chính sách hỗ trợ phòng ngừa, cải thiện điều kiện lao động và quản lý rủi ro nghề nghiệp.

- Góp phần nâng cao năng suất lao động, giảm thời gian gián đoạn sản xuất và giảm chi phí phát sinh do tai nạn lao động.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững của doanh nghiệp.
 - Tác động tiêu cực
- Một số doanh nghiệp có thể phát sinh chi phí ban đầu để đáp ứng các yêu cầu mới của chính sách.
- Doanh nghiệp cần thời gian thích ứng với các cơ chế quản lý và hỗ trợ mới.

c) Đối với người lao động

- Tác động tích cực
- Được mở rộng khả năng tiếp cận chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Được bảo vệ tốt hơn thông qua việc hoàn thiện chế độ, điều kiện hưởng và mức hưởng.
- Được hưởng lợi từ các chính sách hỗ trợ phòng ngừa, phục hồi khả năng lao động và hỗ trợ khi gặp rủi ro nghề nghiệp.
- Góp phần ổn định thu nhập và đời sống của người lao động và gia đình.
 - Tác động tiêu cực
- Không có tác động kinh tế tiêu cực đáng kể.

d) Đối với xã hội

- Tác động tích cực
- Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực xã hội cho công tác phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro nghề nghiệp.
- Giảm tổn thất kinh tế do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp gây ra.
- Góp phần mở rộng diện bao phủ an sinh xã hội và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững gắn với bảo đảm an sinh xã hội.
 - Tác động tiêu cực
- Có thể phát sinh chi phí đầu tư và tổ chức thực hiện trong giai đoạn đầu triển khai chính sách.

3.6.3.3. Tác động xã hội

a) Đối với người lao động

- Tác động tích cực

- Mở rộng khả năng tiếp cận chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Nâng cao mức độ bảo vệ người lao động trước các rủi ro nghề nghiệp.
- Tăng khả năng ổn định đời sống và phục hồi khả năng lao động khi xảy ra tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Góp phần bảo đảm quyền an sinh xã hội và quyền được bảo vệ trong quá trình lao động.

- Tác động tiêu cực

- Người lao động cần thời gian để tiếp cận và hiểu các quy định mới.

b) Đối với người sử dụng lao động

- Tác động tích cực

- Tăng cường trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong công tác bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.
- Tạo động lực đầu tư cho hoạt động phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Góp phần xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ.

- Tác động tiêu cực

- Một số doanh nghiệp có thể gặp khó khăn trong giai đoạn đầu thích ứng với chính sách mới.

c) Đối với xã hội

- Tác động tích cực

- Góp phần mở rộng diện bao phủ an sinh xã hội và nâng cao mức độ bảo vệ người lao động.
- Giảm hậu quả xã hội do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp gây ra.
- Nâng cao nhận thức xã hội về phòng ngừa rủi ro nghề nghiệp.
- Thúc đẩy văn hóa phòng ngừa và chia sẻ rủi ro trong toàn xã hội.
- Góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững và phát triển con người.

- Tác động tiêu cực

- Có thể phát sinh khó khăn nhất định trong giai đoạn chuyển tiếp khi triển khai các chính sách mới.

3.6.3.4. Tác động đối với thủ tục hành chính

Tác động tích cực

- Tạo cơ sở để rà soát, đơn giản hóa hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người lao động, người sử dụng lao động trong tiếp cận và thụ hưởng chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Góp phần tăng tính minh bạch, thống nhất trong giải quyết chế độ, chính sách hỗ trợ từ Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Không đặt ra yêu cầu phát sinh thủ tục hành chính mới ở cấp Luật.

Tác động tiêu cực

- Trong giai đoạn đầu có thể phát sinh yêu cầu điều chỉnh biểu mẫu, quy trình nghiệp vụ và hướng dẫn thực hiện.
- Cơ quan bảo hiểm xã hội, người sử dụng lao động và người lao động cần thời gian để thích ứng với quy định mới.

3.6.3.5. Tác động đối với tổ chức bộ máy nhà nước, nguồn nhân lực

Tác động tích cực

- Không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới, không làm tăng biên chế.
- Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan bảo hiểm xã hội, người sử dụng lao động và các chủ thể có liên quan.
- Góp phần nâng cao năng lực tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Tăng hiệu quả quản lý, giám sát việc sử dụng Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Tác động tiêu cực

- Phát sinh nhu cầu tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho đội ngũ thực hiện chính sách.
- Một số cơ quan, đơn vị phải điều chỉnh quy trình nghiệp vụ trong giai đoạn đầu triển khai.

3.6.3.6. Tác động về giới

Tác động tích cực

- Không tạo ra sự phân biệt đối xử về giới trong tham gia và thụ hưởng chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Góp phần nâng cao mức độ bảo vệ đối với cả lao động nam và lao động nữ trước rủi ro nghề nghiệp.
- Tăng khả năng bảo vệ lao động nữ làm việc trong môi trường có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại hoặc trong các ngành, nghề có nguy cơ cao.
- Góp phần bảo đảm an sinh xã hội đối với lao động nữ khi bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Tác động tiêu cực

- Không có tác động tiêu cực trực tiếp về giới.

3.6.3.7. Tính khả thi của giải pháp

Tác động tích cực

- Phù hợp với chủ trương của Đảng về mở rộng diện bao phủ an sinh xã hội, cải cách chính sách bảo hiểm xã hội và bảo đảm an sinh xã hội bền vững.
- Phù hợp với yêu cầu thực tiễn về bảo vệ người lao động trước các rủi ro nghề nghiệp.
- Kế thừa các quy định hiện hành đang phát huy hiệu quả, đồng thời bổ sung các nội dung cần thiết để xử lý bất cập phát sinh.
- Có thể triển khai trên cơ sở hệ thống tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội hiện hành.
- Không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới hoặc tăng biên chế.

Tác động tiêu cực

- Cần đánh giá kỹ khả năng cân đối, an toàn và bền vững của Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Cần văn bản hướng dẫn chi tiết về điều kiện, phạm vi, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục thực hiện các chính sách mới.
- Hiệu quả thực hiện phụ thuộc vào công tác tổ chức thi hành và phối hợp giữa các cơ quan có liên quan.

3.6.3.8. Kết luận về Giải pháp 3

Giải pháp 3 tạo cơ sở pháp lý đồng bộ để hoàn thiện chính sách bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo hướng mở rộng diện bao phủ, nâng cao

mức độ bảo vệ người lao động và phát huy vai trò phòng ngừa, chia sẻ rủi ro của Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Mặc dù có thể phát sinh một số chi phí tổ chức thực hiện và yêu cầu đánh giá kỹ về cân đối Quỹ, nhưng lợi ích kinh tế - xã hội, hiệu quả bảo vệ người lao động và hiệu quả sử dụng Quỹ mang lại là rõ rệt.

Vì vậy, Giải pháp 3 là phương án tối ưu, đáp ứng đầy đủ mục tiêu của Chính sách 3 và được lựa chọn.

4. Chính sách 4. Phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.

4.1. Bối cảnh xây dựng chính sách

a) Bối cảnh trong nước

Sau gần 10 năm thực hiện Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015, hệ thống các tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động từng bước được hình thành và phát triển, góp phần hỗ trợ người sử dụng lao động, người lao động thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

Các hoạt động dịch vụ như huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, quan trắc môi trường lao động, khám và quản lý sức khỏe nghề nghiệp đã góp phần nâng cao nhận thức, cải thiện điều kiện lao động và phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Tuy nhiên, thực tiễn thi hành Luật cho thấy chất lượng dịch vụ giữa các tổ chức cung cấp dịch vụ chưa đồng đều; năng lực chuyên môn, điều kiện hoạt động và trách nhiệm nghề nghiệp của một số tổ chức còn hạn chế; cơ chế kiểm soát chất lượng dịch vụ chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Bên cạnh đó, hoạt động tư vấn về an toàn, vệ sinh lao động đã phát sinh trong thực tiễn và được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, tuy nhiên Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 chưa có quy định đầy đủ về hoạt động này với tư cách là một loại hình dịch vụ chuyên môn, dẫn đến thiếu cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện và quản lý thống nhất.

Trong bối cảnh yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và thúc đẩy phát triển bền vững, việc hoàn thiện chính sách đối với hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động là cần thiết.

b) Bối cảnh quốc tế

Các Công ước số 155 và số 187 của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) đều khuyến khích phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ về an toàn, vệ sinh lao động, bao gồm hoạt động thông tin, tư vấn, huấn luyện, dịch vụ y tế lao động và các cơ chế hỗ trợ cải thiện điều kiện lao động.

Nhiều quốc gia đã phát triển hệ thống tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động theo hướng chuyên nghiệp hóa, trong đó chú trọng vai trò của các tổ chức tư vấn, huấn luyện, kiểm định và y tế lao động nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động

Quá trình hội nhập quốc tế và việc nghiên cứu khả năng gia nhập các Công ước của ILO cũng đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đối với hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động ở Việt Nam.

4.2. Mục tiêu xây dựng chính sách

4.2.1. Mục tiêu tổng quát

Hoàn thiện chính sách đối với hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động theo hướng chuyên nghiệp, nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động trong công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; góp phần nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

4.2.2. Mục tiêu cụ thể

- Nâng cao chất lượng, năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp của các tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động nhằm hỗ trợ người sử dụng lao động và người lao động thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động..
- Tăng cường khả năng tiếp cận các dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động đối với doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh và khu vực có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, kiểm tra, giám sát và kiểm soát chất lượng hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.

4.3. Vấn đề cần giải quyết và nguyên nhân của vấn đề

43.1. Vấn đề 1. Chất lượng và hiệu quả hoạt động của các tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn

- Nguyên nhân
 - + Chất lượng dịch vụ giữa các tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động chưa đồng đều.
 - + Năng lực chuyên môn, điều kiện hoạt động và trách nhiệm nghề nghiệp của một số tổ chức cung cấp dịch vụ còn hạn chế.
 - + Cơ chế kiểm soát chất lượng, giám sát hoạt động và xử lý vi phạm chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

+ Khả năng tiếp cận các dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động của doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh và khu vực có nguy cơ cao còn hạn chế.

4.3.2. Vấn đề 2. Cơ sở pháp lý đối với hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động chưa đầy đủ

Nguyên nhân :

+ Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 mới quy định đối với hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và quan trắc môi trường lao động.

+ Chưa có quy định về hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động với tư cách là một loại hình dịch vụ chuyên môn trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

+ Chưa phát huy đầy đủ vai trò của hoạt động tư vấn trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nhận diện nguy cơ, đánh giá rủi ro, cải thiện điều kiện lao động và tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động.

+ Chưa đáp ứng đầy đủ định hướng của Công ước số 155 và Công ước số 187 của ILO về tăng cường các dịch vụ hỗ trợ và tư vấn về an toàn, vệ sinh lao động.

4.4. Nội dung của chính sách

4.4.1. Nội dung 1. Hoàn thiện các quy định đối với tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động

- Hoàn thiện các quy định về điều kiện hoạt động, quyền và nghĩa vụ của các tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.

- Nâng cao chất lượng, năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp của các tổ chức cung cấp dịch vụ.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý, giám sát và kiểm soát chất lượng hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.

4.4.2. Nội dung 2. Hoàn thiện các quy định về hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và quan trắc môi trường lao động

- Hoàn thiện các quy định về nội dung, tiêu chuẩn chuyên môn và yêu cầu chất lượng đối với hoạt động huấn luyện, kiểm định và quan trắc môi trường lao động.

- Hoàn thiện cơ chế bảo đảm chất lượng dịch vụ ; tăng cường tính công khai, minh bạch và trách nhiệm trong hoạt động cung cấp dịch vụ.

4.4.3. Nội dung 3. Bổ sung quy định về hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động

- Xác lập cơ sở pháp lý đối với hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động.
- Quy định nguyên tắc hoạt động, quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tư vấn.
- Phát huy vai trò của hoạt động tư vấn trong hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động.

4.5. Các giải pháp thực hiện chính sách

4.5.1. Giải pháp 1. Giữ nguyên các quy định hiện hành

- Tiếp tục thực hiện các quy định hiện hành của Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 về:
 - Huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động;
 - Kiểm định kỹ thuật an toàn lao động;
 - Quan trắc môi trường lao động;
 - Quản lý các tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
 - Không bổ sung quy định về hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động.

4.5.2. Giải pháp 2. Sửa đổi, bổ sung một số quy định về hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động

- Hoàn thiện một số quy định về điều kiện hoạt động và trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ.
- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Bổ sung một số quy định mang tính nguyên tắc về hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động.

4.5.3. Giải pháp 3. Hoàn thiện đồng bộ chính sách đối với hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động

- Hoàn thiện toàn diện các quy định về tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Hoàn thiện cơ chế quản lý, giám sát và bảo đảm chất lượng dịch vụ.
- Hoàn thiện các quy định đối với hoạt động huấn luyện, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và quan trắc môi trường lao động.
- Bổ sung quy định về hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động với tư cách là một loại hình dịch vụ chuyên môn trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

Tạo cơ sở pháp lý để nâng cao chất lượng dịch vụ, hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động trong công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

4.6. Đánh giá tác động giải pháp

4.6.1. Đánh giá Giải pháp 1 (Giữ nguyên các quy định hiện hành)

4.6.1.1. Tác động đối với hệ thống pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan

Tác động tích cực

- Không phát sinh yêu cầu sửa đổi, bổ sung Luật An toàn, vệ sinh lao động và các văn bản quy định chi tiết liên quan đến hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Bảo đảm tính ổn định của hệ thống pháp luật hiện hành đối với hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và quan trắc môi trường lao động.
- Không phát sinh yêu cầu điều chỉnh tổ chức thực hiện đối với các tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.

Tác động tiêu cực

- Không khắc phục được các hạn chế trong cơ chế quản lý, giám sát và bảo đảm chất lượng hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Chưa tạo cơ sở pháp lý để hoàn thiện các quy định đối với tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động theo yêu cầu thực tiễn.
- Chưa có cơ sở pháp lý đối với hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động với tư cách là một loại hình dịch vụ chuyên môn.
- Chưa đáp ứng đầy đủ định hướng của Công ước số 155 và Công ước số 187 của ILO về phát triển các dịch vụ hỗ trợ, tư vấn về an toàn, vệ sinh lao động.

4.6.1.2. Tác động kinh tế

a) Đối với Nhà nước

- Tác động tích cực

- Không phát sinh chi phí xây dựng, sửa đổi pháp luật và tổ chức triển khai thực hiện chính sách mới.
- Không phát sinh yêu cầu bổ trí thêm nguồn lực cho công tác quản lý và giám sát hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.

- Tác động tiêu cực

- Chưa tạo động lực nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các tổ chức cung cấp dịch vụ.
- Chưa khai thác hiệu quả vai trò của hoạt động tư vấn trong hỗ trợ doanh nghiệp phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

b) Đối với tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động

- Tác động tích cực

- Không phát sinh chi phí tuân thủ mới.
- Không phải điều chỉnh điều kiện hoạt động hoặc quy trình nghiệp vụ hiện hành.

- Tác động tiêu cực

- Chưa tạo động lực nâng cao năng lực chuyên môn và chất lượng dịch vụ.
- Chưa tạo cơ hội phát triển các loại hình dịch vụ mới, trong đó có dịch vụ tư vấn an toàn, vệ sinh lao động.

c) Đối với doanh nghiệp và người lao động

- Tác động tích cực

- Không phát sinh chi phí sử dụng dịch vụ hoặc chi phí tuân thủ mới.
- Tiếp tục duy trì cơ chế tiếp cận dịch vụ hiện hành.

- Tác động tiêu cực

- Tiếp tục gặp khó khăn trong tiếp cận các dịch vụ chất lượng cao tại một số địa bàn và lĩnh vực sản xuất.
- Chưa được hưởng lợi từ các dịch vụ tư vấn chuyên sâu hỗ trợ nhận diện nguy cơ, cải thiện điều kiện lao động và phòng ngừa rủi ro nghề nghiệp.

4.6.1.3. Tác động xã hội

a) Đối với người lao động

- Tác động tích cực

- Duy trì ổn định hệ thống dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động hiện hành.
- Không làm thay đổi quyền và lợi ích hiện có của người lao động.

- Tác động tiêu cực

- Chưa cải thiện chất lượng các dịch vụ hỗ trợ phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Chưa nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ tư vấn và hỗ trợ chuyên môn về an toàn, vệ sinh lao động.

b) Đối với doanh nghiệp

- Tác động tích cực

- Không phát sinh nghĩa vụ hoặc yêu cầu mới trong sử dụng dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.

- Tác động tiêu cực

- Chưa có thêm các công cụ hỗ trợ doanh nghiệp trong tổ chức thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động.
- Chưa phát huy vai trò của dịch vụ tư vấn trong hỗ trợ doanh nghiệp nhận diện nguy cơ và phòng ngừa rủi ro.

c) Đối với xã hội

- Tác động tích cực

- Duy trì ổn định hoạt động của hệ thống dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động hiện hành.

- Tác động tiêu cực

- Chưa tạo chuyển biến về chất lượng dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Chưa thúc đẩy phát triển các dịch vụ hỗ trợ chuyên môn phục vụ công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Chưa góp phần nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động thông qua các dịch vụ hỗ trợ.

4.6.1.4. Tác động đối với thủ tục hành chính

- Tác động tích cực

- Không phát sinh thủ tục hành chính mới đối với tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Không làm thay đổi hồ sơ, trình tự, thủ tục hành chính hiện hành liên quan đến hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và quan trắc môi trường lao động.
- Không phát sinh chi phí tuân thủ thủ tục hành chính đối với tổ chức, doanh nghiệp và người lao động.

- Tác động tiêu cực

- Chưa tạo cơ sở để rà soát, đơn giản hóa hoặc chuẩn hóa các thủ tục liên quan đến hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Chưa tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động.
- Chưa thúc đẩy cải cách phương thức quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin và số hóa trong quản lý hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.

4.6.1.5. Tác động đối với tổ chức bộ máy nhà nước, nguồn nhân lực

- Tác động tích cực

- Không phát sinh tổ chức bộ máy mới.

- Không làm tăng biên chế hoặc nhu cầu bố trí thêm nhân lực.
- Không phát sinh yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng hoặc tổ chức lại bộ máy thực hiện chính sách.
- Tác động tiêu cực
- Chưa tạo điều kiện nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Chưa tạo động lực nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của các tổ chức cung cấp dịch vụ.
- Chưa tạo cơ sở để đổi mới phương thức quản lý, giám sát và kiểm soát chất lượng hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.

4.6.1.6. Tác động về giới

- Tác động tích cực
- Không làm thay đổi quyền, nghĩa vụ và cơ hội tiếp cận dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động giữa lao động nam và lao động nữ.
- Không tạo ra sự phân biệt đối xử về giới trong việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Tác động tiêu cực
- Chưa tạo điều kiện nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chuyên môn về an toàn, vệ sinh lao động đối với lao động nữ làm việc trong các ngành, nghề có nguy cơ cao.
- Chưa phát huy vai trò của dịch vụ tư vấn trong việc hỗ trợ cải thiện điều kiện lao động đối với các nhóm lao động dễ bị tổn thương, trong đó có lao động nữ.

4.6.1.7. Tính khả thi của giải pháp

- Tác động tích cực
- Có tính khả thi cao do không yêu cầu sửa đổi, bổ sung chính sách hiện hành.
- Không phát sinh yêu cầu đầu tư nguồn lực mới.
- Không làm thay đổi cơ chế tổ chức thực hiện hiện nay.
- Dễ dàng triển khai và duy trì trong thực tiễn.
- Tác động tiêu cực
- Không giải quyết được các vấn đề chính sách đã được xác định.
- Không đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.

- Không tạo cơ sở pháp lý đối với hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động.
- Không đáp ứng yêu cầu hoàn thiện hệ thống dịch vụ hỗ trợ thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động trong bối cảnh mới.

4.6.1.8. Kết luận về Giải pháp 1

Giải pháp giữ nguyên các quy định hiện hành có ưu điểm là bảo đảm tính ổn định của hệ thống pháp luật, không làm phát sinh chi phí tuân thủ mới, không làm thay đổi thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực thực hiện chính sách.

Tuy nhiên, giải pháp này không giải quyết được các hạn chế đã được xác định về chất lượng hoạt động của các tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động; chưa tạo cơ sở pháp lý đối với hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động; chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu quả hỗ trợ doanh nghiệp và người lao động trong công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Do đó, Giải pháp 1 không đáp ứng mục tiêu của Chính sách 4 và không được lựa chọn.

4.6.2. Đánh giá Giải pháp 2 (sửa đổi, bổ sung một số quy định về hoạt động dịch vụ ATVSLĐ và bổ sung một số quy định mang tính nguyên tắc về dịch vụ tư vấn ATVSLĐ)

4.6.2.1. Tác động đối với hệ thống pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan

- Tác động tích cực

- Góp phần hoàn thiện một số quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Tăng cường cơ sở pháp lý đối với hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động, kiểm định kỹ thuật an toàn lao động và quan trắc môi trường lao động.
- Bước đầu bổ sung cơ sở pháp lý đối với hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động.
- Góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện các quy định về phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thông qua các dịch vụ hỗ trợ chuyên môn.
- Tiếp cận từng bước với các yêu cầu của Công ước số 155 và Công ước số 187 của ILO về tăng cường hệ thống dịch vụ hỗ trợ trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

- Tác động tiêu cực

- Phạm vi sửa đổi còn hạn chế nên chưa giải quyết triệt để các bất cập về chất lượng dịch vụ và cơ chế quản lý hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Chưa hình thành đầy đủ khung pháp lý đối với hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động.
- Có thể phát sinh nhu cầu tiếp tục sửa đổi, bổ sung pháp luật trong thời gian tới.

4.6.2.2. Tác động kinh tế

a) Đối với Nhà nước

Tác động tích cực

- Nâng cao hiệu quả quản lý và kiểm soát chất lượng hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Từng bước nâng cao hiệu quả phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thông qua việc nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ.
- Góp phần giảm một phần chi phí xã hội phát sinh do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Tác động tiêu cực

- Phát sinh chi phí xây dựng văn bản quy định chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện các quy định mới.
- Cần bố trí nguồn lực để hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện.

b) Đối với tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động

Tác động tích cực

- Có điều kiện nâng cao năng lực chuyên môn và chất lượng dịch vụ.
- Tăng cơ hội phát triển hoạt động dịch vụ tư vấn an toàn, vệ sinh lao động.
- Nâng cao uy tín và tính chuyên nghiệp của các tổ chức cung cấp dịch vụ.

Tác động tiêu cực

- Có thể phát sinh chi phí để đáp ứng các yêu cầu mới về điều kiện hoạt động, năng lực chuyên môn hoặc trách nhiệm nghề nghiệp.
- Một số tổ chức quy mô nhỏ có thể gặp khó khăn trong giai đoạn chuyển đổi.

c) Đối với doanh nghiệp và người lao động

Tác động tích cực

- Có cơ hội tiếp cận các dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động có chất lượng tốt hơn.
- Được hỗ trợ tốt hơn trong việc thực hiện các quy định về an toàn, vệ sinh lao động.
- Góp phần giảm nguy cơ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các tổn thất liên quan.

Tác động tiêu cực

- Có thể phát sinh chi phí sử dụng dịch vụ cao hơn trong trường hợp các tổ chức dịch vụ phải đầu tư nâng cao năng lực hoạt động.

d) Đối với xã hội

Tác động tích cực

- Thúc đẩy phát triển thị trường dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Nâng cao hiệu quả phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Góp phần giảm thiểu tổn thất kinh tế do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp gây ra.

Tác động tiêu cực

- Hiệu quả kinh tế mang lại còn hạn chế do phạm vi sửa đổi chưa toàn diện.

4.6.2.3. Tác động xã hội

a) Đối với người lao động

Tác động tích cực

- Được tiếp cận các dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động có chất lượng tốt hơn.
- Được hỗ trợ tốt hơn trong công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Góp phần cải thiện điều kiện lao động và bảo vệ sức khỏe nghề nghiệp.

Tác động tiêu cực

- Mức độ cải thiện còn hạn chế do chưa hoàn thiện toàn diện hệ thống dịch vụ hỗ trợ.

b) Đối với doanh nghiệp

Tác động tích cực

- Nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động.
- Tăng khả năng nhận diện nguy cơ và kiểm soát rủi ro trong sản xuất, kinh doanh.
- Góp phần xây dựng môi trường làm việc an toàn hơn.

Tác động tiêu cực

- Một số doanh nghiệp cần thời gian thích ứng với các yêu cầu mới đối với hoạt động dịch vụ.

c) Đối với xã hội

Tác động tích cực

- Nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của các dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Góp phần giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Từng bước hình thành thị trường dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động có chất lượng cao hơn.

Tác động tiêu cực

- Chưa tạo được sự chuyển biến mạnh về chất lượng và tính chuyên nghiệp của toàn bộ hệ thống dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.

4.6.2.4. Tác động đối với thủ tục hành chính

Tác động tích cực

- Góp phần hoàn thiện một số quy định liên quan đến trình tự, thủ tục quản lý hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Tạo cơ sở pháp lý cho việc chuẩn hóa một số hồ sơ, quy trình trong hoạt động cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Bước đầu tạo cơ sở cho việc quản lý hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động.
- Nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm của các tổ chức cung cấp dịch vụ.

Tác động tiêu cực

- Có thể phát sinh yêu cầu sửa đổi, bổ sung một số thủ tục hành chính liên quan đến điều kiện hoạt động, công nhận năng lực hoặc quản lý tổ chức cung cấp dịch vụ.

- Các tổ chức cung cấp dịch vụ phải cập nhật hồ sơ, quy trình nghiệp vụ để đáp ứng quy định mới.
- Cơ quan quản lý nhà nước cần điều chỉnh quy trình tiếp nhận, xử lý và quản lý thông tin liên quan đến hoạt động dịch vụ.

4.6.2.5. Tác động đối với tổ chức bộ máy nhà nước, nguồn nhân lực

Tác động tích cực

- Không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới.
- Góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Tạo động lực nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của các tổ chức cung cấp dịch vụ.
- Thúc đẩy việc chuẩn hóa năng lực chuyên môn của đội ngũ làm công tác huấn luyện, kiểm định, quan trắc và tư vấn an toàn, vệ sinh lao động.

Tác động tiêu cực

- Phát sinh nhu cầu đào tạo, tập huấn và cập nhật nghiệp vụ đối với cán bộ quản lý và đội ngũ thực hiện dịch vụ.
- Một số cơ quan quản lý nhà nước cần điều chỉnh quy trình nghiệp vụ và phương thức giám sát hoạt động dịch vụ.

4.6.2.6. Tác động về giới

Tác động tích cực

- Không tạo ra sự phân biệt đối xử về giới trong việc cung cấp và sử dụng dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Góp phần nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ về an toàn, vệ sinh lao động đối với cả lao động nam và lao động nữ.
- Thông qua việc nâng cao chất lượng dịch vụ, góp phần cải thiện điều kiện lao động và bảo vệ sức khỏe nghề nghiệp của lao động nữ trong các ngành, nghề có nguy cơ cao.

Tác động tiêu cực

- Không có tác động tiêu cực trực tiếp về giới.

4.6.2.7. Tính khả thi của giải pháp

Tác động tích cực

- Có tính khả thi tương đối cao do chủ yếu kế thừa hệ thống quy định hiện hành và chỉ sửa đổi, bổ sung một số nội dung cần thiết.
- Không yêu cầu thay đổi lớn về tổ chức bộ máy nhà nước.

- Có thể triển khai trên cơ sở hệ thống tổ chức cung cấp dịch vụ hiện có.
- Phù hợp với điều kiện thực tiễn và năng lực tổ chức thực hiện hiện nay.

Tác động tiêu cực

- Chưa giải quyết triệt để các bất cập về chất lượng dịch vụ và cơ chế quản lý hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Khung pháp lý đối với hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động vẫn chưa hoàn thiện đầy đủ.
- Có thể tiếp tục phát sinh yêu cầu sửa đổi, bổ sung pháp luật trong tương lai.

4.6.2.8. Kết luận về Giải pháp 2

Giải pháp 2 góp phần hoàn thiện một số quy định về hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng dịch vụ và bước đầu tạo cơ sở pháp lý đối với hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động. Giải pháp có tính khả thi tương đối cao, không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới và không tạo gánh nặng lớn về nguồn lực thực hiện.

Tuy nhiên, giải pháp mới chỉ giải quyết được một phần các bất cập của chính sách hiện hành; chưa hoàn thiện đồng bộ khung pháp lý đối với hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động và chưa phát huy đầy đủ vai trò của hoạt động tư vấn trong hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động.

Do đó, Giải pháp 2 có thể được xem xét nhưng chưa phải là phương án tối ưu để đạt được đầy đủ các mục tiêu của Chính sách 4.

4.6.3. Đánh giá giải pháp 3 (hoàn thiện đồng bộ chính sách)

4.6.3.1. Tác động đối với hệ thống pháp luật và điều ước quốc tế có liên quan

- Tác động tích cực

- Hoàn thiện đồng bộ khuôn khổ pháp lý về hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn và định hướng phát triển thị trường dịch vụ hỗ trợ trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.
- Hoàn thiện các quy định về điều kiện hoạt động, quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Tăng cường cơ sở pháp lý cho việc quản lý, giám sát và kiểm soát chất lượng hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Bổ sung cơ sở pháp lý đối với hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động với tư cách là một loại hình dịch vụ chuyên môn trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.

- Bảo đảm tính thống nhất với các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư, khám bệnh, chữa bệnh và các quy định pháp luật có liên quan.
 - Tiếp cận đầy đủ hơn các yêu cầu của Công ước số 155 và Công ước số 187 của ILO về phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ, tư vấn và nâng cao năng lực trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.
 - Góp phần thể chế hóa chủ trương của Đảng về xã hội hóa dịch vụ công, phát triển kinh tế tư nhân và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Tác động tiêu cực
- Cần rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy định chi tiết để bảo đảm đồng bộ với các quy định mới của Luật.
 - Cần xây dựng các tiêu chuẩn, điều kiện và cơ chế quản lý phù hợp đối với hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động.

4.6.3.2. Tác động kinh tế

a) Đối với Nhà nước

Tác động tích cực

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Góp phần giảm thiểu thiệt hại kinh tế do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp gây ra thông qua việc nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ phòng ngừa.
- Khuyến khích huy động nguồn lực xã hội tham gia cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động, giảm áp lực cho Nhà nước trong việc hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp.
- Tăng hiệu quả đầu tư cho công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Tác động tiêu cực

- Phát sinh chi phí xây dựng văn bản hướng dẫn, tổ chức triển khai và giám sát thực hiện chính sách.
- Cần đầu tư nguồn lực để hoàn thiện hệ thống quản lý, đánh giá và kiểm soát chất lượng dịch vụ.

b) Đối với tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động

Tác động tích cực

- Mở rộng cơ hội phát triển thị trường dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.

- Tạo điều kiện phát triển hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động như một loại hình dịch vụ chuyên môn.
- Nâng cao tính chuyên nghiệp, uy tín và khả năng cạnh tranh của các tổ chức cung cấp dịch vụ.
- Khuyến khích đầu tư nâng cao năng lực chuyên môn và chất lượng dịch vụ.

Tác động tiêu cực

- Phát sinh chi phí đầu tư, đào tạo và chuẩn hóa năng lực để đáp ứng các yêu cầu mới của pháp luật.
- Một số tổ chức có năng lực hạn chế có thể gặp khó khăn trong quá trình chuyển đổi.

c) Đối với doanh nghiệp và người lao động

Tác động tích cực

- Tiếp cận thuận lợi hơn với các dịch vụ chất lượng cao về an toàn, vệ sinh lao động.
- Được hỗ trợ tốt hơn trong nhận diện nguy cơ, phòng ngừa rủi ro và cải thiện điều kiện lao động.
- Giảm thiểu tổn thất kinh tế do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và sự cố kỹ thuật gây mất an toàn lao động.
- Góp phần nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Tác động tiêu cực

- Có thể phát sinh chi phí sử dụng dịch vụ cao hơn trong giai đoạn đầu do yêu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ.

d) Đối với xã hội

Tác động tích cực

- Thúc đẩy phát triển thị trường dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động theo hướng chuyên nghiệp và bền vững.
- Góp phần giảm chi phí xã hội do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp gây ra.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng suất lao động quốc gia.
- Tạo thêm cơ hội việc làm cho đội ngũ chuyên gia, tư vấn viên và tổ chức cung cấp dịch vụ chuyên môn.

Tác động tiêu cực

- Có thể phát sinh chi phí thích ứng trong giai đoạn đầu thực hiện chính sách.

4.6.3.3. Tác động xã hội

a) Đối với người lao động

Tác động tích cực

- Được tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ chuyên môn có chất lượng cao hơn.
- Được hỗ trợ tốt hơn trong việc phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Góp phần cải thiện điều kiện lao động, bảo vệ sức khỏe nghề nghiệp và nâng cao chất lượng cuộc sống.
- Giảm nguy cơ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và các hậu quả xã hội liên quan.

Tác động tiêu cực

- Cần thời gian để người lao động tiếp cận và khai thác hiệu quả các loại hình dịch vụ mới.

b) Đối với doanh nghiệp

Tác động tích cực

- Tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động.
- Được hỗ trợ hiệu quả hơn trong nhận diện nguy cơ, đánh giá rủi ro và cải thiện điều kiện lao động thông qua hoạt động tư vấn.
- Nâng cao văn hóa an toàn tại nơi làm việc và chất lượng quản trị doanh nghiệp.

Tác động tiêu cực

- Một số doanh nghiệp cần thời gian thích ứng với yêu cầu sử dụng và quản lý các dịch vụ chuyên môn mới.

c) Đối với xã hội

Tác động tích cực

- Nâng cao nhận thức xã hội về vai trò của dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động trong phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.
- Góp phần xây dựng môi trường lao động an toàn, lành mạnh và bền vững.

- Thúc đẩy sự hình thành và phát triển đội ngũ chuyên gia, tổ chức cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp trong lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động.
- Góp phần thực hiện mục tiêu giảm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và phát triển bền vững.

Tác động tiêu cực

- Có thể phát sinh khó khăn nhất định trong giai đoạn chuyển tiếp khi triển khai các quy định mới.

4.6.3.4. Tác động đối với thủ tục hành chính

Tác động tích cực

- Tạo cơ sở để rà soát, chuẩn hóa và hoàn thiện các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Nâng cao tính minh bạch, công khai và trách nhiệm giải trình trong hoạt động của các tổ chức cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động theo hướng thống nhất, đồng bộ.
- Góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng cung cấp dịch vụ.

Tác động tiêu cực

- Có thể phát sinh yêu cầu sửa đổi, bổ sung một số thủ tục hành chính liên quan đến điều kiện hoạt động, quản lý chất lượng và giám sát tổ chức cung cấp dịch vụ.
- Các tổ chức cung cấp dịch vụ cần thời gian để hoàn thiện hồ sơ, quy trình và đáp ứng các yêu cầu mới.
- Cơ quan quản lý nhà nước cần cập nhật quy trình nghiệp vụ và hệ thống quản lý trong giai đoạn đầu triển khai.

4.6.3.5. Tác động đối với tổ chức bộ máy nhà nước, nguồn nhân lực

Tác động tích cực

- Không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới và không làm tăng biên chế.
- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Tạo cơ sở để chuẩn hóa đội ngũ chuyên gia, giảng viên huấn luyện, kiểm định viên, quan trắc viên và tư vấn viên an toàn, vệ sinh lao động.
- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cung cấp dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.

- Tăng cường hiệu quả phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức cung cấp dịch vụ.

Tác động tiêu cực

- Phát sinh nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và cập nhật chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý và nhân lực cung cấp dịch vụ.
- Một số tổ chức cung cấp dịch vụ phải đầu tư nâng cao năng lực nhân sự để đáp ứng yêu cầu mới.

4.6.3.6. Tác động về giới

Tác động tích cực

- Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong tiếp cận và sử dụng các dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ hỗ trợ về an toàn, vệ sinh lao động đối với cả lao động nam và lao động nữ.
- Góp phần cải thiện điều kiện lao động, bảo vệ sức khỏe nghề nghiệp của lao động nữ trong các ngành, nghề có yếu tố nguy hiểm, yếu tố có hại.
- Hỗ trợ tốt hơn cho các nhóm lao động dễ bị tổn thương thông qua việc nâng cao chất lượng dịch vụ và hoạt động tư vấn.

Tác động tiêu cực

- Không có tác động tiêu cực trực tiếp về giới.

4.6.3.7. Tính khả thi của giải pháp

Tác động tích cực

- Phù hợp với chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân, xã hội hóa dịch vụ công và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Phù hợp với yêu cầu thực tiễn về nâng cao chất lượng hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động.
- Có cơ sở thực tiễn vì các loại hình dịch vụ huấn luyện, kiểm định, quan trắc môi trường lao động đã được triển khai ổn định trong nhiều năm.
- Hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động trên thực tế đã tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, việc luật hóa sẽ tạo cơ sở pháp lý đầy đủ hơn cho hoạt động này.
- Không yêu cầu thành lập tổ chức bộ máy mới hoặc tăng biên chế nhà nước.
- Có thể triển khai trên cơ sở hệ thống tổ chức cung cấp dịch vụ hiện có.

Tác động tiêu cực

- Cần xây dựng đầy đủ các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành.

- Cần thời gian để các tổ chức cung cấp dịch vụ thích ứng với các tiêu chuẩn và yêu cầu mới.
- Cần tăng cường năng lực kiểm tra, giám sát để bảo đảm chất lượng dịch vụ.

4.6.3.8. Kết luận về Giải pháp 3

Giải pháp 3 tạo cơ sở pháp lý đồng bộ để hoàn thiện chính sách đối với hoạt động dịch vụ an toàn, vệ sinh lao động; nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp và hiệu quả hoạt động của các tổ chức cung cấp dịch vụ; đồng thời bổ sung cơ sở pháp lý đối với hoạt động tư vấn an toàn, vệ sinh lao động theo yêu cầu thực tiễn và phù hợp với các tiêu chuẩn lao động quốc tế.

Mặc dù có thể phát sinh một số chi phí chuyển đổi, đào tạo và hoàn thiện cơ chế quản lý trong giai đoạn đầu triển khai, nhưng lợi ích mang lại về kinh tế, xã hội và hiệu quả phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là rõ rệt. Giải pháp không làm phát sinh tổ chức bộ máy mới, không làm tăng biên chế và có tính khả thi cao trong tổ chức thực hiện.

Do đó, Giải pháp 3 là phương án tối ưu, đáp ứng đầy đủ các mục tiêu của Chính sách 4 và được lựa chọn để xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung Luật An toàn, vệ sinh lao động.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động chính sách những điểm bổ sung dự án Luật An toàn, vệ sinh lao động sửa đổi./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng Đỗ Thanh Bình (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PC, CVL.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Mạnh Khương